

HỒNG Y ĐÁNG KÍNH NGƯỜI VIỆT NAM

Hôm nay, chúng ta kỷ niệm 20 năm Ngày Đức Hồng y Phanxicô Xaviê NGUYỄN VĂN THUẬN được Thiên Chúa gọi về Nhà Cha. Vị Mục tử Việt Nam được mở hồ sơ phong Hiển Thánh sau 5 năm chấm dứt hành trình lữ thứ trần gian.

Trọng kính Cha,

Cha là một gương sáng Linh mục mà nhiều người Việt thuộc thế hệ cận đại đã có dịp nói chuyện với Cha, nghe lời Cha giảng dạy... Vượt biên giới Tổ Quốc, Cha còn được kính mến bởi nhiều triệu Kitô hữu từ Á châu đến các quốc gia Mỹ châu. Sách 'Chứng nhân Hy Vọng' (dịch ra 12 thứ tiếng) đã mang lại niềm Hy vọng trong đời sống linh mục cho bao nhiêu Cha ở Mỹ châu La tinh. Khi Cha giảng cho hơn 50.000 người trẻ tại sân vận động Mexicô. Họ hô lớn tiếng khi Cha bước lên diễn đàn: 'Francisco, amigo de los Mexicanos' (Phanxicô, bạn thân của người Mexicô)...

[Trong bài này, chúng tôi xin được phép gọi Đức Hồng y là Cha để ghi nhớ cách xưng hô dịu hiền mà Đức cha (Đức Hồng y) đã xưng Cha với những giáo dân có điểm phúc nói chuyện với Ngài. Tôi hân hạnh gặp Ngài hai lần: i. Tại Trường Lasan Taberd 1967 dịp Đức Giám mục Nha Trang tiếp tân, giữa mùa bầu cử Tổng thống và Nghị sĩ Thượng nghị viện, ii. Tại Cuộc Họp Mặt Giới Trẻ Công giáo Âu châu tại Strasbourg (Pháp) ngày 12 và 13.09.1998].

I. DÒNG DỐI TỬ ĐẠO VÀ YÊU NƯỚC.

A. *Gia đình bên ngoài của Cha* đã bị thiêu sống khi đang kinh nguyện trong một đêm mùa thu năm 1885, tại làng Đại Phong. Nhóm người bắt đạo đã phóng hỏa bằng những ngọn đuốc tới tận nóc nhà tường tre. Cha mẹ đưa các trẻ qua cửa sổ thì họ thấy các em trở vào cho chết cháy. Tuy nhiên, một số em, nhờ bóng tối đêm và khói, đã thoát chết. Trong đó, có 'Dì Liên', 10 tuổi, thoát chết, nhưng phải bỏ chạy về sống hẩn tại Phú Cam. Một người khác là mẹ ông Ngô Đình Khả cũng sống sót và phải chạy đến sống tại một làng khác... Có điều may là khi đó, ông ngoại của Cha là ông Khả đang tu học ở Chủng viện Penang (Mã Lai). Phải đợi đến vài tháng sau, hung tin gần hết gia đình bị tàn sát mới tới Chủng viện Penang, các Giáo sư của ông Khả đề nghị ông nên trở về nước và cưới vợ để giữ tên dòng họ. Chấp nhận đề nghị trên, ông đã trở lại Việt Nam để phụng dưỡng mẹ đang không phương tiện để sinh sống.

Vào làm việc tại Triều đình, một thời gian sau, ông Khả được vua Thành Thái ban cho ông tước Phù Đạo Đại Thần, cố vấn cho Vua các vấn đề về Pháp văn và Triết Tây phương... Ông đã chống đối mạnh mẽ người Pháp đô hộ khi họ buộc Vua phải thoái ngôi. Cuối cùng, ông từ quan và về làm ruộng với các con trai. Cô Hiệp (mẹ tương lai của Cha) đã cùng mẹ vất vả

đem cơm và nước trà cho thân phụ và các anh em trai. Trong hoàn cảnh cơ cực đó, không ai trong gia đình buông lời than trách trước một quyết định ái quốc. Họ vẫn nuôi ý chí 'làm quan', sau những kinh nghiệm lao động tay chân và thiếu thốn.

B. Ông cố bên nội của Cha, Nguyễn Văn Danh, đã sống cực khổ trong thời kỳ bắt đạo thời vua Tự Đức, năm 1860, bị cưỡng bách phải đi làm nô lệ.

Con ông, Nguyễn Văn Vọng, 14 tuổi, khi hay tin cha sắp chết đói, hằng ngày phải thức dậy sớm, nấu cơm nước và mang cho cha xa khoảng 12 dặm, đi và về, trong ba năm.

Khi được trở về, ông Danh đã hãnh diện khi thấy các con không chối đạo và được mẹ dạy kính Chúa và thương người. Ông rất mãn nguyện vì Vọng, đứa con vô cùng can đảm.

Khi trưởng thành, anh Vọng cưới chị Tống Thị Tài, liên hệ gia đình gần với Thánh Phaolô Tống Viết Bường, sĩ quan triều đình Minh Mạng, tử đạo ngày 23.10.1833. Đôi vợ chồng trẻ về sống tại Phủ Cam và được Linh mục Joseph Eugène Allys giao cho sứ vụ truyền giáo đặc biệt: không phải rao giảng, chỉ sống đạo, bằng đời sống chứng nhân Kitô hữu để người khác nhìn vào đó mà trở lại đạo Công giáo. Xong việc truyền đạo tại một làng, anh chị Vọng đi sang làng khác trong một vùng cách Huế 14 cây số về hướng Nam. Ông Vọng, ông nội tương lai của Cha, đã thi hành sứ vụ trong 15 năm. Ông vẫn muốn tiếp tục, nhưng Cha Allys muốn ông trở lại sống tại Phủ Cam với gia đình.

Linh mục Allys cho ông mượn tiền thành lập nông trại và ông trở nên giàu có. Ông đã dùng gia sản để giúp xây trường Bình Linh (Pellerin) cho các Sư huynh dòng Lasan và trường Thánh nữ Jeanne d'Arc cho các Nữ tu dòng Thánh Phaolô thành Chartres. Cả hai đều được khánh thành năm 1904 tại Huế.

Bấy nhiêu gương sáng tiền nhân để lại, Cha quyết tâm trở thành Linh mục Công giáo, đồng dạng với Chúa Giêsu... Nhưng Đức Kitô phán : « *Không phải anh em đã chọn Thầy, nhưng chính Thầy đã chọn anh em, và cắt cử anh em để anh em ra đi, sinh được hoa trái, và hoa trái của anh em tồn tại, hầu tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy, thì Người ban cho anh em.* » (Gioan 15, 16). Việc 'chính Thầy đã chọn anh em' có thực hiện nơi Cha hay không ? Chúng ta có thể ôn lại tiến trình Thiên Chúa đã đào tạo Cha qua các Thánh Chức Linh mục, Đức cha và Đức hồng y.

II. DƯỚI MÁI CHỦNG VIỆN.

Cha sinh ngày 17.04.1928, tại Phú Cam, Tổng Giáo phận Huế, tỉnh Thừa Thiên. Gia đình Cha có 8 anh chị em, 3 trai và 5 gái. Cha là con cả. Thân phụ là ông Nguyễn Văn Ấm, qua đời ngày 01.07.1993, tại Sydney, Úc Đại

Lợi. Thân mẫu là bà Elisabeth Ngô Đình Thị Hiệp, con Ông Ngô Đình Khả. Bà là em Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thục và Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Bà qua đời vào ngày 28.01.2005, tại Sydney, thọ 102 tuổi.

A. Tiểu chủng viện An Ninh.

Cuối tháng 08/1940, lúc 12 tuổi, Cha nhập Tiểu chủng viện An Ninh (Cửa Tùng, Quảng Trị) để chuẩn bị niên khóa 1940-1941.

Bây giờ, Cha bắt đầu tìm kiếm những 'gương Linh mục' mới, sau Đức cha Phêrô Ngô đình Thục, cậu của Cha, chung quanh Cha : Jean Baptiste Urrutia (Thi) MEP, Bề trên Chủng viện; Jean-Marie Cressonnier, MEP, sinh ra trong gia đình giàu, nhưng sống nghèo khó, đã bị cán binh cộng sản bắn chết khi mang Mình Thánh Chúa cho người bệnh năm 1968; Giuse Maria Nguyễn văn Thích, Giáo sư chủng viện, thi sĩ và họa sĩ. Cha cũng đã đọc sách hạnh các Thánh: Phanxicô Xaviê (bốn mạng), Gioan Vianney, Têrêxa thành Lisieux...

Nhờ có bằng tiểu học (certificat d'étude primaire) và trí nhớ, nhất là sinh ngữ và la tinh, Cha đã rút ngắn học trình từ tám còn sáu năm.

B. Đại chủng viện Phú Xuân.

Tại đây, Cha đã đọc cuộc đời Linh mục José Ramon Manual Pro Juarez, dòng Tên người Mexico, bị bắt bởi mật vụ Cộng sản Mexico, bị hành quyết vì đạo, không bản án, với anh của Linh mục tháng 11.1927. Cha nhận đây là một gương Linh mục cho Cha.

Trong 3 năm đầu (từ 1947), Cha ước nguyện sẽ thi hành sứ nhiệm Linh mục Giáo phận (hay triều), noi gương Curé d'Ars. Nhưng, sau đó, đôi lúc, Cha nghĩ mình có thể trở Linh mục Dòng như :

1. Dòng Tên, hiện diện tại Việt Nam lần đầu năm 1615 với Linh mục Alexandre de Rhodes và rời Việt Nam năm 1774. Cha đã học nhiều 'Spiritual Exercises' về đời sống Thánh Ignatius thành Loyola và chính Thánh Phanxicô Xaviê hay Linh mục Pro Juarez đều thuộc Dòng Tên. Nhưng, khi đó, muốn theo Dòng Tên thì phải sang tu học tại Phi Luật Tân vì Dòng Tên chỉ trở lại Việt Nam năm 1957.

2. Cha cũng nghĩ đến Dòng Biển Đức vì tu viện Biển Đức cũng vừa xây dựng trên đồi Thiên An năm 1940, ngoại ô Huế. Cha chiêm ngưỡng gương thánh thiện của Dom Romain, đã sống hơn nửa đời tại Việt Nam để trợ giúp người Việt và Dom Benoit Nguyễn văn Thái, Linh mục Biển Đức người Việt đầu tiên.

Cuối cùng, Cha quyết định ở lại Đại chủng viện Phú Xuân để học thần học dưới sự hướng dẫn của Linh mục Simon Hòa Nguyễn văn Hiền, Bề trên

Chủng viện, sau trở thành Giám mục hiệu tòa Saigon (1955) và Giám mục chính tòa tiên khởi Giáo phận Đà Lạt (1960).

III. THÁNH CHỨC LINH MỤC.

Ngày 11.06.1953, tại Nhà thờ Chánh tòa Phủ Cam, Cha nhận Bí tích Truyền Chức Linh mục bởi tay Đức cha Jean Baptiste Urrutia (Thi) MEP, Giám mục hiệu tòa Huế.

A. Cha được cử làm Phó xứ Tam Tòa (Đồng Hới, Quảng Bình), một giáo xứ quan trọng của Giáo phận, phụ giúp Cha Đôminicô Hoàng Văn Tâm để phục vụ giáo dân. Cha Sở đã dành nhiều thời giờ để hướng dẫn Cha về sứ vụ mục tử, tình hình giáo xứ... Nhưng, một tháng sau, Cha Sở thấy sức khỏe Cha yếu dần mà Cha vẫn cố gắng, cho đến khi Cha ho ra máu. Bác sĩ khám thấy Cha có triệu chứng bệnh lao có thể do học và làm việc nhiều tại Đại Chủng viện. Cha được đưa về Huế vì Bệnh viện Đồng Hới không có phương tiện. Bệnh viện Huế lại đề nghị đưa Cha vào Sài Gòn vì cần phải giải phẫu khó.

Khi không đọc kinh, cầu nguyện hay nói chuyện với song thân, Cha nghe đài phát thanh truyền đi những tin chiến sự ngày càng bi đát, nhất là tại Điện Biên Phủ. Cha lo ngại.

Tháng 12/1953, Cha được phi cơ chở vào Sài Gòn, nhập Bệnh viện Saint Paul, các bác sĩ cho rằng phải cắt bỏ phần phổi bên tay mặt. Nghe tin đó, Cha Richard, ở Huế, giới thiệu Cha vào điều trị tại Bệnh viện Quân đội Pháp Grall tháng 04/1954. Các bác sĩ Pháp nói với Cha họ có phương tiện để giải phẫu, nhưng Cha không thể hồi phục như trước. Cha cảm ơn 'tin tốt' đó và tiếp tục cầu nguyện và chờ xe đưa vào phòng mổ... Một trong các bác sĩ đề nghị chụp x-ray phổi trước khi gây mê.

Sau khi chụp x-ray, Cha được đưa trở về phòng chờ. Hai bác sĩ bàn tán nhiều trước phòng Cha nằm. Cuối cùng một bác sĩ vào báo cho Cha :

- Khỏi phải giải phẫu.
- Thế thì bệnh lao đã lây sang phổi kia ? Cha hỏi.
- Không. Khỏi giải phẫu vì chúng tôi không còn thấy dấu bệnh lao ở cả hai phổi. Tôi không biết sự việc xảy ra như thế nào.

Vị bác sĩ nhìn Cha và không biết giải thích làm sao sự khởi bệnh này. Các bác sĩ nhìn nhau trong khi Cha nói:

- Phép lạ.
- Tôi cũng cho là như vậy. Phổi Cha tốt cả hai, Cha không cần mổ. Cha có thể về chiều nay, nếu muốn.

Nói xong, ông bước ra ngoài và trở lại nói thêm :

- Bây giờ, Cha khỏe mạnh, và tôi không thể giải thích tại sao. Có thể, Cha sẽ sống để thấy nhiều người trong chúng tôi chết !

Phần Cha, Cha không ngớt tán tụng Thiên Chúa và cảm ơn Mẹ Maria. Bốn ngày sau, Cha trở về đến Huế thì hay tin Điện Biên Phủ thất thủ. Khi gặp Đức cha Urrutia, Người bảo Cha nên nghỉ dưỡng bệnh một thời gian. Sau đó, Cha được cử đến làm Cha Phó cho Cha Richard Barbon (Triết) tại Giáo xứ Phanxicô Xaviê ở Huế với nhiệm vụ chuyển Giáo xứ này của người Pháp sang cho người Việt. Quân đội và công chức Pháp phải rút khỏi và trả độc lập cho Quốc gia Việt Nam theo yêu cầu của Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Đồng thời, Cha còn được cử kiêm nhiệm Tuyên úy Trường Bình Linh, Bệnh viện trung ương Huế và Lao xá Thừa Thiên.

B. Du học tại Rôma.

Năm 1956, Cha được gửi du học tại Đại học Giáo hoàng Urbana. Ngày 15.08.1957, Cha hành hương Lộ Đức như Cha viết trong 'NĂM CHIẾC BÁNH VÀ HAI CON CÁ' :

« Lúc còn là một linh mục du học ở Rôma, tháng 08/1957, tôi đi Lộ Đức để cầu nguyện với Đức Mẹ. Quỳ trước hang đá, nhìn lên tượng Mẹ, tôi nghe như Đức Mẹ nói với tôi như đã nói với thánh nữ Bernadette:

- Benadette, Mẹ không hứa cho con hân hoan và an ủi ở trần gian này, nhưng hứa đau khổ và thử thách.

Tôi run sợ, nhưng tôi chấp nhận và phó thác trong tay Mẹ. Tôi tiếp tục học hành thi cử, và trở về Việt Nam, làm giáo sư, Giám đốc tiểu chủng viện Hoan-Thiện, Tổng đại diện, Giám mục Giáo phận Nha Trang năm 1967. Cảm ơn Chúa, công việc mục vụ của tôi nói được là thành công.

Tôi trở lại Lộ Đức nhiều lần và nhiều lần tôi tự hỏi: 'Có lẽ lời Đức Mẹ đã nói với thánh Bernadette không phải Mẹ cũng nhắc lại với tôi?' Thánh giá bốn phận của tôi không đến nỗi quá nặng, dù sao tôi sẵn sàng chấp nhận Thánh ý Chúa.

Năm 1957, Cha tốt nghiệp ưu hạng Tiến sĩ Giáo luật với luận án :
'Studium comparativum de organisatione capellanorum militum in mondo'
'Nghiên cứu so sánh tổ chức các tuyên úy quân đội trên thế giới'.

C. Tổng đại diện, Bề trên Chủng viện.

Từ Rôma về Giáo phận Huế, Đức cha Urrutia đã báo với Cha rằng Người gửi Cha đi Rôma không phải không chủ đích. Giáo hội Việt Nam sẽ cần nhiều Mục tử người Việt mới, và Cha sẽ là một trong những Vị đó. Đừng khiêm nhượng... Cha phải chuẩn bị để lãnh đạo. Do đó, Cha cần phải hành động, cầu nguyện... và cộng tác với Giám mục của mình. Đức cha nói tiếp với Cha là, trong bước đầu, Cha sẽ dạy tại Tiểu Chủng viện Phú Xuân trong một thời gian. Tiếp đến, ai biết? Trong tương lai, có thể tiên đoán Cha sẽ trở thành Bề trên nơi đó.

Cha đến dạy tại Tiểu chủng viện khi Linh mục An-rê Nguyễn văn Thích đang là Bề trên. Cha rất kính và thích làm việc với Cha Thích. Linh mục Bề trên kể cho Cha những điều đã xảy ra tại đây.

Đầu niên khóa 1962 – 1963, khi Tiểu chủng viện Hoan Thiện – Huế hình thành, Cha đã nhận nhiệm vụ Giám đốc. Là Giám đốc nhưng Cha luôn thăm hỏi, tươi cười với các chú, thông cảm cho sai sót tuổi trẻ. Cha không to tiếng hay quở trách ai bao giờ, đến nỗi Linh mục quản lý thốt lên: 'Cha Bề trên hiền quá, chẳng có chú nào sợ...'. Sự thật, Cha chủ trương giáo dục đặt nền tảng trên tình thương và gương sáng chứ không dùng lễ luật để trừng phạt.

Một cựu chủng sinh Tiểu chủng viện Hoan Thiện đã kể cho đài BBC (Anh quốc): « Trước đây, sau khi có việc 'hô điểm' cuối mỗi kỳ họp các Cha, và sau khi vào gặp Cha Bề trên để nghe 'tin dữ', chú nào bị 'đuổi' ra khỏi chủng viện thì thấy đời mình như 'cùi hủi' rồi, một sự thất bại ê chề trong cuộc đời, cha mẹ sẽ buồn, bạn bè e ngại đứng xa xa mà nhìn, làm như phút chốc mình trở thành kẻ 'tội lỗi'.

Từ ngày Cha làm Bề trên, cựu chủng sinh như được Cha thương riêng, có lúc làm cho kẻ ở lại phải nêu thành câu hỏi, Cha hay nói câu tiếng Pháp vào dịp này, đi tu 'c'est une chance' mà ra đời 'c'est une autre chance'. Bề trên Thuận đã đồng hành với Giáo huấn Vaticanô II để đưa Kitô giáo vào trong cuộc sống con người, theo lối giáo dục mới, mời gọi những linh mục tương lai nên thực thi mục vụ trong tinh thần dẫn thân phục vụ làm đầy tớ, ưu tiên cho những người nghèo.

Năm 1966, một năm trước khi nhận chức Đức cha, có lần Ngài nói với lớp chúng tôi 'Cha có dự án xây rộng thêm bên ngoài nhà khách các chú để mở một xưởng nghề, các chú mình tương lai phải học một nghề nghiệp để sinh sống, vì xã hội đang biến đổi, Giáo hội cần linh mục có lối sống khác hơn phong cách sống xưa nay'.

Có lúc tôi hỏi về ý nghĩa kiến trúc chủng viện Hoan Thiện và đặc biệt về nhà nguyện tròn và có hồ nước chung quanh, Ngài giải thích rằng nhà thờ là nơi gặp gỡ với Chúa, và gặp gỡ người anh em, nhưng không phải gặp gỡ ào ào theo kiểu thế gian, những lối xây cất chùa chiền trong văn hóa của dân tộc mình nhắc mình nhớ là phải 'bước qua bên kia bờ' để có thể cầu nguyện.

Hè năm 1967, tôi định xuất tu, Ngài kêu riêng và nhắn nhủ 'tu cũng tốt mà về cũng là một ơn gọi riêng, nhưng con nhớ điều này trong đời mình: 'điều tệ hại trong cuộc đời không phải phạm tội, nhưng là mất đi ý thức tội lỗi'.

Thêm vào chức vụ Giám đốc Tiểu chủng viện Hoan Thiện, Hội đồng Linh mục đã bầu Cha làm Tổng đại diện Tổng Giáo phận Huế vào năm 1964. Khi đó, Cha được 36 tuổi.

Ngày 02.11.1963, khi nhận tin Tổng thống Ngô Đình Diệm chết, Cha không thể tin tưởng một người yêu nước như ông Diệm, cậu của Cha, đã phải chết như vậy và Cha chỉ đương đầu được với thử thách mới này nhờ Đức Tin và, nhất là, nhờ sự an ủi dịu hiền từ Mẹ của Cha. Bà lấy từ ngăn tủ bàn một văn kiện, dẫn Cha vào Nhà Nguyện và nói: « Đến lúc con nên đọc tài liệu này. Mẹ đã cất giấu đủ lâu ». Đó là văn kiện chứa những dòng chữ của cậu Diệm đã khấn dòng Biển Đức ngày 01.01.1954 tại Đan viện Saint-André de Bruges ở Bỉ, với tên Dòng Odilon. Bàn tay Cha run lên vì Thánh Odilon là Bốn mạng người tị nạn mà chính ông Diệm đã giúp gần một triệu đồng bào di cư từ Miền Bắc và an cư lạc nghiệp một cách mỹ mãn tại Miền Nam. Ngoài ra, Thánh Odilon là Linh mục đã bắt đầu cử hành Thánh Lễ Cầu cho các Linh hồn ngày 02.11 hàng năm, đúng ngày ông Diệm qua đời. Thấy thế, Bà khuyên lớn: « Cậu con đã cống hiến trọn cuộc đời cho quê hương và không lạ gì khi Cậu phải chết vì Tổ Quốc. Là một tu sĩ, Cậu đã dâng hiến cuộc sống cho Thiên Chúa, và không có gì lạ khi cậu phải chết lúc Chúa gọi Cậu ».

IV. TRÁCH VỤ ĐỨC CHA.

Ngày 13.04.1967, Cha được Thánh Giáo hoàng Phaolô VI bổ nhiệm làm Giám mục Giáo phận Nha Trang khi 39 tuổi, thay thế Đức cha Paul Raymond Piquet, MEP. Ngày 24.06.1967, lễ Thánh Gioan Tẩy Giả, Cha đã được thụ phong Đức cha bởi Đức Tổng Giám mục Angelo Palmas, Khâm sứ Tòa Thánh tại Việt Nam, Lào và Campuchia, chủ phong với hai Đức Tổng Giám mục Philippê Nguyễn Kim Điền và Gioan Baotixita Urrutia (Thi) phụ phong. Thánh Lễ tấn phong đã được cử hành trang nghiêm tại khuôn viên Tiểu chủng viện Hoan Thiện, Cha đã chọn khẩu hiệu 'Vui Mừng và Hy Vọng' (Gaudium et Spes), tên Hiến chế Mục vụ của Công Đồng Vatican II. Ngày 10.07.1967, Cha đã nhận nhiệm vụ Giám mục Giáo phận Nha Trang.

A. Khẩu hiệu của Đức Cha.

Phương châm của Cha không chỉ nói lên niềm tin yêu, hy vọng của Cha đối với Giáo hội mà còn cho thấy tâm hồn thanh thoát, tươi trẻ, hoà bình, vị tha và hướng thượng, đã được diễn tả trong suốt cuộc đời sứ vụ Mục tử của Cha. Cha luôn có niềm vui và hy vọng trong mọi chuyện xảy đến Cha, nhưng cũng vì Cha muốn nói lên rằng: Cha thấy Giáo huấn của Vatican II chứng tỏ Giáo hội đang trên đường tiến về một sự Đoàn Kết tối hậu, đó chính là vui mừng và hy vọng cho toàn thể nhân loại.

Noi gương Đức Kitô, Cha sống niềm hy vọng trong mọi hoàn cảnh. Khi làm Giám mục ở Nha Trang với những thành công rực rỡ. Khi đến Sài Gòn không được làm việc gì. Những ngày cô đơn đen tối trong trại cải tạo. Những lúc mệt mỏi vì chiến đấu với cơn bệnh hiểm nghèo. Khi vinh quang lên đến tột đỉnh. Khi bị hiểu lầm vu oan. Không lúc nào Cha đánh mất niềm hy vọng.

Noi gương Đức Kitô, Cha đi gieo niềm hy vọng khắp nơi. Đi đến đâu Cha gieo niềm hy vọng đến đó. Gặp ai Cha truyền niềm hy vọng cho người ấy. Chứa chan niềm hy vọng nên Cha luôn tỏa ra niềm vui, niềm lạc quan yêu đời và làm cho bầu khí chung quanh Cha luôn vui tươi đáng mến. Trong phòng biệt giam, Cha vẫn nghĩ ra chuyện vui. Trên giường bệnh, Cha vẫn kể chuyện vui cho mọi người cười thỏa thích. Không hoàn cảnh nào có thể ngăn cản Cha tung gieo niềm hy vọng.

Noi gương Đức Kitô, Cha đem niềm hy vọng đến cho mọi người. Cha dễ dàng đón nhận người thân cũng như người xa lạ. Cha sẵn sàng cộng tác với người đồng ý cũng như những người bất đồng ý kiến. Cha yêu thương bạn hữu cũng như những người thù ghét Cha. Cha làm cho những bạn tù và cả cai tù cũng có cảm tình. Tất cả những ai sống gần Cha đều được cảm hóa. Vì ở bên Cha, mọi người thấy phẩm giá mình được tôn trọng, khả năng con người được phát huy. (Trích bài giảng ĐTGM Ngô Quang Kiệt ngày 16.09.2005)

B. Huy hiệu của Đức Cha



Huy hiệu của Cha có nền màu xanh dương với Ngôi Sao Biển (Stella Maris), biểu tượng Đức Trinh Nữ Maria, dẫn đường cho những con thuyền trong chuyến du hành từ đời này cho đến vĩnh cửu. Nổi bật trên màu xanh là ba ngọn núi biểu tượng của đại dương và lục địa (aqua et arida). Ba ngọn núi còn là biểu trưng cho ba miền Quê Hương: Bắc, Trung, và Nam. Ba ngọn núi và biển cả cũng còn là Nha Trang Việt Nam nằm dài bên Đại Tây Dương. Trong thời cổ đại aqua et arida nghĩa là vũ trụ toàn cầu; như thế cụm từ nói lên rằng Việt Nam không là một nước cô lập nhưng là một phần của thế giới.

Mười khúc tre tượng trưng 10 điều răn. Tre là một biểu tượng Á châu cho người quân tử hay siêu nhân. Tre gợi nhớ tới huy hiệu của Tổng Thống Ngô đình Diệm, khẩu hiệu của Tổng Thống là 'Tiết Trục Tâm Hư'. Tre tượng trưng cho sự công chính, trong sạch và chân thành. Lõi của đốt tre thì rỗng như trái tim của một người không chất chứa sự ích kỷ, tham vọng,

hay tham lam.

Sự hài hòa giữa nền (với những biểu tượng lấy từ thời cổ Roma và của Giáo hội Thế giới) và khung của huy hiệu tượng trưng cho văn hóa Á Châu và những giá trị của gia đình Cha với phương châm đã tóm kết những giảng huấn của Cha và cái nhìn của Cha về thế giới, Giáo hội, Đất nước Việt Nam, gia đình, và chính Cha.

Nhiệm vụ (Thẩm quyền) Giám mục là Truyền Chức Thánh. Cha đã truyền Thánh chức Linh mục 'chui' cho 40 Phó tế trong tù và khi bị quản chế với sự tiếp tay của Giám mục Phạm Đình Tụng. Sự kỳ diệu này của Giáo hội Hầm trú là biểu tượng tinh thần và ý chí của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Cha là một con người, một cuộc đời, một tu sĩ, một đời đi tù, một đời truyền giáo, một gương mẫu điển hình tại Giáo triều Vatican, đã làm nên lịch sử đời mình đã để lại một tấm gương sáng và làm vẻ vang cho Giáo hội Việt Nam.

C. Chiến dịch Tình Thương.

Như các Giám mục khác, Cha đã chú trọng đào tạo nhân sự như tổ chức Tiểu chủng viện Sao Biển, Chủng viện Lâm Bích (Lambert de la Motte) dành cho ơn gọi trưởng thành... Thiết lập Hội đồng Giáo dân từ cấp Giáo xứ lên Giáo hạt đến Giáo phận và công bố 'Quy chế Giáo dân'. Hình thành và phát triển Trung tâm Văn hóa Chàm năm 1968 tại Phan rang.

Cha đã phổ biến các Thư luân: 'Tình thức và Cầu nguyện' (19.03.1968), 'Vững Mạnh trong Đức Tin? Tiến lên trong An bình' (1969), 'Công lý và Hòa bình' (01.01.1970),

Thư Cha, đây có phải là sự Quan phòng của Thiên Chúa để chuẩn bị cho Cha, vị Mục tử Việt Nam, trong chức vụ Phó Chủ tịch (24.11.1994) rồi Chủ tịch (24.06.1998) Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình ?

Vượt ranh giới Giáo phận và biên cương Tổ Quốc, Cha đã thuyết trình đề tài 'Các Vấn đề Chánh trị tại Á châu và những Giải pháp liên hệ' trước Hội nghị Giám mục Á châu họp tại Manila (Phi luật tân), ngày 24.11.1970. Trong thời gian ngắn, gần 8 năm giữ sứ vụ Mục tử Giáo phận Nha Trang, Cha còn cho luân lưu thêm ba Thư khác: Sứ mạng Chúa Kitô là sứ mạng của chúng ta (1971), Kỷ niệm 300 năm (1971), Năm Thánh Canh tân và Hòa giải (1973).

Tuy nhiên, công tác đáng ghi nhớ của Cha là: Ngày 15.07.1971, Thánh Giáo hoàng Phaolô VI thành lập Hội đồng Giáo hoàng Đồng Tâm (Cor Unum) với mục đích chính là phối hợp các cơ quan bác ái Công giáo qua các dự án giúp đỡ và phát triển về phương diện nhân bản của Công giáo trên toàn cầu. Sau đó, Cor Unum tham gia trợ giúp Việt Nam qua một tổ chức được hình thành bởi Hội đồng Giám mục Việt Nam và Giám mục các quốc gia mang tên là Hợp tác để Tái thiết Việt Nam (Cooperation for the

Reconstruction of Vietnam (COREV).

Các Giám mục Việt Nam trao trách nhiệm điều hành cho Cha vì Cha là Chủ tịch Ủy ban Phát triển Hội đồng Giám mục. Đây là một trọng trách nặng nề khiến Cha khó có thể cai quản hữu hiệu Giáo phận, nhưng các Giám mục đã an tâm khi nhớ một người trong gia đình Cha đã hoàn thành mỹ mãn việc bình định cho một triệu người di cư từ Bắc vào Nam trong thập niên 1950: Tổng Thống Ngô đình Diệm.

Trụ sở COREV đặt tại Sài Gòn, nên Cha phải thường xuyên đi lại giữa nơi này và Nha Trang. Về tài chánh, dù các Giám mục trao toàn quyền cho Cha, nhưng Cha không bao giờ quyết định mà không hội ý với các Đức cha khác. Cha không ngớt liên lạc, giải trình với các Giám đốc Misereor và Caritas Đức, Secours Catholique Pháp, Catholic Relief Services Hoa kỳ, Secours International Bỉ quốc... về các dự án xây nhà, cất trường học...

Chúng ta đừng quên Cha nói thạo các tiếng Pháp, Anh, Ý, Tây ban nha, Hoa và La tinh. Người ta thẩm lượng việc Cha làm có thể so sánh với việc làm của năm người bình thường. Khi gặp khó khăn, Cha nhìn lên trời và xin Cậu Diệm giúp đỡ. COREV càng thành công thì người Cộng sản càng coi Cha là người đáng sợ.

D. Tổng Giám mục Phó với Quyền Kế Vị.

Ngay từ 1974, Tổng thống Nguyễn văn Thiệu, trong một tình thế hầu như tuyệt vọng về quân sự và chính trị đã vận động Tòa Thánh bổ nhiệm Cha về Sài Gòn theo những toan tính chính trị của ông. Lúc đó, cao trào chống tham nhũng của Linh mục Trần Hữu Thanh cho thấy tình thế nền Đệ nhị Cộng hòa đã nguy ngập. Và theo Ngài, chống tham nhũng là để trong sạch hóa guồng máy chính quyền, nhằm có một chính phủ mạnh để đương đầu với cộng sản.

Ông Thiệu bị thất thế, muốn tìm một sự ủng hộ nơi giới Công giáo. Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình 'xa lánh' dinh Độc Lập nên ông Thiệu mới vận động đưa Cha về làm Tổng Giám mục Sài Gòn.

Đương nhiên, Tòa thánh không chấp nhận cuộc vận động ngày 10.01.1974. Ông Nguyễn Văn Hiếu, anh ông Thiệu, đại sứ VNCH tại Ý đã vận động, nhưng Vatican từ chối.

Phước Long, một địa điểm chiến lược cửa ngõ vào Sài Gòn, bị chiếm đầu tháng 1/1975, mở đường cho cộng sản xâm chiếm Sài Gòn. Trước tình hình quân sự như vậy, Đức Khâm sứ Tòa Thánh Henri Lemaître đã trao đổi với Đức cha Nguyễn Văn Bình phải tìm một Giám mục phó với vài tiêu chuẩn sau:

- Vị đó không lớn tuổi quá,
- Các vị khác còn lại thì quá trẻ.

- có tinh thần sống chung, hợp tác với chính quyền mới.
- Chỉ còn Cha không già mà cũng không trẻ.

Theo linh mục Trần Ngọc Thụ, Thư ký Tòa Khâm sứ, cho biết việc chọn lựa Cha, Đức Khâm sứ chỉ bàn với Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và một vài vị khác và hoàn toàn được giữ kín như thông lệ. Ngay cả người được bổ nhiệm cũng không được biết.

Tháng 4/1975, Đức Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã năm lần đề nghị Đức Khâm sứ Henri Lemaître xin Tòa Thánh cử Cha làm Tổng Giám mục Phó với hy vọng sự khôn ngoan của Cha có thể đưa Giáo hội Việt Nam vượt qua những cơn khó khăn sắp đến.

Rất tiếc là thời gian đề cử Cha và lúc được Tòa Thánh chấp thuận lâu đến 4 tháng. Giả như Cha được về làm Tổng giám mục Phó Sài Gòn trước ngày 30.04.1975 vài tháng thì việc bổ nhiệm trở thành bình thường và sẽ không thể có lý chính đáng gì để gây nên những chống đối như đã xảy ra.

Từ chuyện bổ nhiệm này đưa ra hai giả thuyết:

- Giả dụ Đức Khâm sứ và Đức TGM Nguyễn Văn Bình chọn được một người khác, không phải Cha thì có thể không có sự chống đối?
- Giả dụ Cha về Sài Gòn trước 30.04.1975 và đứng ký tên chung vào những Thư luân lưu của Đức Tổng Giám mục Bình trong đó có nội dung kêu gọi giáo dân sẵn sàng hợp tác với chính quyền mới thì có sự phản đối hay không? (Thông cáo của Tòa TGM ngày 08.04.1975 hay Tâm Thư của Đức Tổng Giám Mục Sài Gòn đề ngày 05.05.1975).

Ngày 25.04.1975, điện tín từ Rome mới đến Sài Gòn xác nhận việc bổ nhiệm này. Những chi tiết về ngày tháng này rất quan trọng vì nó là cơ sự gây ra hiểu lầm và nghi kỵ sau này.

Lúc ấy, Nha Trang đã rơi vào tay chính quyền cộng sản. Mọi liên lạc với Cha bị cắt đứt. Vì thế, đến ngày 07.05.1975, Tòa Giám Mục Sài Gòn mới liên lạc với Cha và yêu cầu Cha vào ngay Sài Gòn.

Vào Sài Gòn, Cha được hỏi ý kiến về việc bổ nhiệm này và nếu ưng thuận thì bàn giao chức vụ Giám mục Nha Trang cho Đức cha Nguyễn Văn Hòa.

Ngày 12.05.1975, Tòa Giám mục chính thức loan báo tin bổ nhiệm Cha làm Tổng Giám mục Phó với quyền kế vị.

Đã có một buổi họp tại Câu Lạc bộ Phục Hưng ngày 08.05.1975 gồm lối 20 linh mục và đã soạn thảo thư gửi Đức Khâm sứ, Đức Tổng giám mục Bình và Cha. Danh sách gồm những linh mục sau: Nguyễn Huy Lịch, Chân Tín, Nguyễn Thiện Toàn, Trương Bá Cần, Huỳnh Công Minh, Thanh Lãng, ... (Xin phép chỉ ghi tên các Linh mục đầu đàn).

Ngày 12.05.1975, có một buổi họp nữa và đã đề cử những người sau đây đi gặp Đức TGM Bình và Cha gồm 8 người trong nhóm, trong đó có Thanh Lãng, Hoàng Kim, Vương Đình Bích, Phan Khắc Từ vv. Họ đã biến một vấn đề thủ tục bổ nhiệm nội bộ thành một âm mưu chính trị rộng lớn lôi kéo cả Giáo hội Công giáo Sài Gòn dính vào, một thứ chính trị liên quan động chạm đến Đường lối chính trị của Đảng. Họ chủ động trong luận điểm tố cáo và kết tội Cha mà lúc ấy chính quyền mới chưa rõ nội vụ.

Họ 'bé xé ra to', thổi bùng lên và đưa ra những bằng kết tội hoàn toàn không có căn bản pháp lý kéo theo một số người trí thức khác đi theo họ.

Từ ngày 08.05.1975, họ gửi một kiến nghị đến Đức TGM Nguyễn văn Bình bày tỏ mối quan tâm lo ngại về việc chuyển Cha về Sài Gòn trong tình thế hiện nay sẽ không thuận lợi cho Giáo hội tại Việt Nam.

Hai thành phần chính yếu trong 'Nhóm Công giáo Tiến bộ' là :

- các linh mục (xin chỉ ghi các tên 'siêu tiến bộ' như Trương Bá Cần, Huỳnh Công Minh, Phan Khắc Từ,...
- Nhóm sinh viên Công giáo với các tay tranh đấu hung hăng nhất: Nguyễn Văn Ngọc, Đoàn Khắc Xuyên, Nguyễn Xuân Hàm,...

Sau 30.04.1975, Cộng sản đã có chiến thuật dùng chính người Công giáo để đánh phá Giáo hội Công giáo, mà tên giáo gian đầu sỏ chính là Nguyễn Đình Đầu. Thấm phán Nguyễn Cần viết: « *Nguyễn Đình Đầu, một cán bộ Việt Cộng nội tuyến trong hàng ngũ Công giáo, trong nhóm Sống Đạo, đứng đằng sau sắp xếp và tổ chức các trận đánh phá này* »

Mục tiêu đấu tranh đầu tiên của chúng nhằm vào Đức Khâm sứ Henri Lemaître. Họ đòi trục xuất Ngài khỏi Việt Nam, tức muốn cắt đứt liên hệ giữa Tòa Thánh với Việt Nam cộng sản, cắt đứt ảnh hưởng Giáo hội Mẹ với Giáo hội Công giáo Quê hương. Họ muốn chứng tỏ lòng thần phục đối với nhà nước Cộng sản và muốn dâng công đầu tiên là thiết lập một **Giáo hội Công Giáo tự trị như tại Trung cộng**.

Đánh phá phải có lý do. Không có thì phải tạo ra, chúng tố cáo Đức Khâm sứ phạm nhiều tội: « *Ngài là người đã hỗ trợ mạnh mẽ cho chính sách thực dân mới của Hoa Kỳ và cho chính quyền tay sai Nguyễn Văn Thiệu... Từ trước tới nay, các Khâm sứ đã xen vào nội bộ của Giáo hội Việt Nam quá nhiều trái với tinh thần Vatican 2. Giải thoát các Giám mục khỏi áp lực và xâm lấn của Khâm sứ Tòa Thánh là giúp cho Giáo hội Việt Nam được trưởng thành* ». Trong bản cáo trạng, Linh mục Thanh Lãng qui kết: « *Từ trước đến nay, ở Miền Nam có 5 vị Khâm sứ Tòa Thánh thì Đức Khâm sứ Henri Lemaître có thành tích bất hảo nhất vì tính chất thực dân, có đường giây điện thoại đỏ với Tòa Đại sứ Mỹ tại Việt Nam và dính líu với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu* ».

Lúc ấy, trong Tòa Khâm sứ có Đức Khâm sứ, một linh mục phụ tá người Ba Lan và linh mục bí thư Trần Ngọc Thụ. Đức Khâm sứ là mục tiêu 'nhắm

bản' chính, còn hai linh mục là mục tiêu phụ, đương nhiên nhị vị là các chứng nhân từ đầu đến cuối.

Để đạt mục tiêu trục xuất Đức Khâm sứ, họ đã tổ chức ba cuộc biểu tình đấu tranh:

- Ngày 02.04.1975, họ kéo tới biểu tình trước Tòa Khâm sứ và đòi Đức Khâm sứ phải ra đi. Ngài bình tĩnh, nhẫn nại và can đảm từ chối yêu sách của nhóm và dứt khoát không rời khỏi Việt Nam khi chưa có lệnh của Tòa Thánh. Lúc này, Cộng sản chưa chiếm Sài Gòn, nên họ chưa có hành động thô bạo.

- Ngày 14.05.1975, dựa Cộng sản, chúng tỏ ra hết sức hung bạo. Họ trèo tường đột nhập Tòa Khâm sứ, dùng búa đập bể ổ khoá cổng để đám đông tràn vào. Mấy tay xông xáo hơn đã trèo lên mái nhà căng biểu ngữ và hạ cờ Tòa Thánh xuống. Bọn họ dùng lời lẽ phũ phàng bắt hảo để thóa mạ, hò hét. Mỗi lần hô 'Đả đảo! Đả đảo!', 'Henri Lemaitre cút đi, cút đi...!' thì cả bọn đồng loạt giơ lên cao những nắm đấm, y hệt một hoạt cảnh bần cố nông đấu tố địa chủ ở Miền Bắc hồi 1954. Sau đó, họ dùng vũ lực xô đẩy Đức Khâm Sứ, hai linh mục ra khỏi Tòa Khâm sứ, rồi đóng cửa lại.

Người ta nhận diện 3 linh mục nổi bật: Phan Khắc Từ xách động bên trong Tòa Khâm sứ, Huỳnh Công Minh chụp ảnh (để báo cáo), và Thanh Lăng thì đứng bên kia đường để 'lướt trận'.

Như chủ trương của Cộng sản dùng bất cứ phương tiện nào để đạt mục đích. Trong những lần đối thoại giữa đôi bên, những tay cầm đầu bất chấp tất cả, đã dám đe dọa Đức Khâm Sứ: "...nếu Đức Khâm Sứ không chịu từ chức và ra đi, thì bắt buộc phải dùng đến một biện pháp 'rất đáng tiếc'.

1. Tối ngày 03.06.1975, chúng lại tổ chức biểu tình tại Tòa Khâm sứ. Khi nghe tin Tòa Khâm sứ bị quây phá, hàng ngàn giáo dân trẻ Giáo xứ Bùi Phát kéo nhau đi giải vây. Đoàn người bị bộ đội Cộng sản ngăn chặn tại cầu Trương Minh Giảng, một giáo dân bị bắn chết, Linh mục Vũ Bình Định, Phó xứ Bùi Phát, bị bắt.

Chiến dịch đánh phá của 'Nhóm Công giáo Tiến bộ' đã lộ nguyên hình họ là những tay sai cộng sản vì hành động của họ tạo nên cái cơ rất tốt, rất đúng lúc để nhà nước Cộng sản ra tay.

Ngày 04.06.1975, Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam mời Đức Khâm sứ Henri Lemaitre đến để cho biết: « *Ngài nên lánh khỏi Việt Nam trong một thời gian, và càng sớm càng tốt, nếu không sự hiện diện của Ngài sẽ không còn được bảo đảm* ». Theo ngôn ngữ ngoại giao phải hiểu đây là lệnh trục xuất. Đức Khâm sứ đáp máy bay rời Sài Gòn hôm 05.06.1976.

Đức Khâm sứ đi rồi, linh mục phụ tá người Ba Lan yêu cầu linh mục bí thư Trần Ngọc Thụ phải vào ở thường trực trong Tòa Khâm sứ để phụ đối phó

với tình hình mới. Hay tin, Đức Hồng y Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh Jean Villot gửi cho Bộ Trưởng Ngoại giao Cộng hoà Miền Nam Việt Nam bức thư nói: « ... *rất đau lòng khi hay tin... và sẵn sàng mở những cuộc tiếp xúc cần thiết...* ».

Kế đến, linh mục phụ tá người Ba Lan cũng đã phải ra đi. Do Đức Khâm Sứ đã xin quốc tịch Tòa Thánh cho Cha Thụ từ trước. Giờ đây, việc phải đến đã đến. Dù còn vẫn vương Việt Nam, không muốn ra đi thoát thân một mình, nhưng Ngài phải tìm ra đáp số hợp tình hợp lý cho việc ở hay đi. Ra đi, Ngài đã trở thành Thư ký Thánh Giáo hoàng Gioan Phao lô II. Tại phi trường Tân Sơn Nhất, trước khi lên máy bay, đột nhiên có một viên chức thuộc Bộ Ngoại giao tới nói: « *Chúc linh mục thượng lộ bình an. Sau này, nếu khi nào linh mục muốn trở về thì cứ cho chúng tôi biết!* ». Sau này, ở Roma, nhiều lần Ngài xin visa tại Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng sản để trở về nước, thăm cố hương Phát Diệm, thăm mộ phần cha mẹ, nhưng chưa bao giờ họ cấp giấy cho Cha.

Khi hai Đức TGM đến chủng viện thăm Đức Giám mục phụ tá Phanxicô Xaviê Trần Thanh Khâm thì nhóm linh mục này đề nghị hoãn việc TGM Thuận đến Chủng viện chắt vấn TGM Bình và yêu cầu Cha từ chức ngay lập tức. Họ cho rằng việc chuyển, bổ nhiệm thì các Giám mục Việt Nam có thể tự thu xếp mà không cần đến Tòa Thánh.

Các bài trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 08.06.1975 và bản tin Đài phát thanh Sài Gòn Giải Phóng ngày 07.06.1975 đề cập việc nhiều tổ chức Công giáo, bao gồm các linh mục và giáo dân yêu cầu Đức Khâm sứ Tòa Thánh phải rời Việt Nam ngay lập tức và kết án Cha có những hành động chống chính phủ Cách mạng Lâm thời.

Cùng ngày, Đức TGM Nguyễn Văn Bình viết thư xác nhận việc Tòa Thánh bổ nhiệm Cha là phù hợp với nhu cầu sinh hoạt tôn giáo của Tổng giáo phận Sài Gòn. Ngài bác bỏ rằng việc bổ nhiệm là một áp đặt. Ngài kêu gọi các Giáo sĩ, Tu sĩ và Giáo dân tuân phục quyết định của Tòa Thánh. Trước tình hình này, Ngài viết thư gửi Lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ và Huỳnh Tấn Phát, cùng tướng Trần Văn Trà, Chủ tịch Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn – Gia Định ngày 08.06.1975 nhằm nêu lên một số quan điểm của mình. Trong thư, Ngài cho rằng các thông tin mà nhóm giáo dân và linh mục trên đang tuyên truyền trong thời gian từ 4 đến 5 ngày tới, Chính phủ Lâm thời sẽ trục xuất Cha khỏi Tổng giáo phận Sài Gòn. Ngài nhận định các tổ chức mệnh danh Công giáo trên chỉ là thiểu số, không thể đại diện cho giáo dân Công giáo; các tội gán cho Đức Khâm sứ và Cha là thất thiệt và việc tung tin đồn làm giáo dân bất mãn. Ngài đề nghị chấm dứt chiến dịch tố cáo các giáo sĩ và dừng việc trục xuất Cha mà Ngài cho đó là phi pháp.

Trong phiên họp ngày 27.06.1975, tại Dinh Độc lập, kéo dài từ 15 đến 19 giờ, Cha đã đối diện với ba Cán bộ cao cấp của Ủy Ban Quân Quản cùng các Linh mục và Giáo dân tự nhận là 'Công giáo yêu nước'. Đối với Chính

quyền Cộng sản, sự chuyển một người họ hàng với Ngô Đình Diệm vào Sài Gòn vào thời điểm này là âm mưu của Vatican và các nước đế quốc. Họ thông báo không chấp thuận việc bổ nhiệm đối với Cha và yêu cầu Cha về lại nơi cư trú trước ngày 30.04.1975. Để trả lời sự cáo buộc đó, Cha chỉ xác nhận sự vâng lời của Cha đối với Bài Sai của Đức Thánh Cha. Cha cũng bác bỏ lời cáo gian có âm mưu nói trên.

Tham dự phiên họp, linh mục Trần Du đã đứng lên công khai phản bác những luận điểm của nhóm Cấp tiến mà Ngài gọi là 'con nít'. Để nêu một Sự Thật, Ngài trả lời trước đại diện Ủy ban Quân quản: « Quyết định bắt Đức giám mục Nguyễn Văn Thuận rời Sài Gòn không thể thi hành được. Hai triệu dân công giáo không chấp nhận. Đức giám mục Nguyễn Văn Thuận không có quyền từ chức. Vậy thì chính quyền có thể giết ngài, có thể giết cả tôi, có thể bỏ tù ngài hay bỏ tù tôi, nhưng không thể tự ý trục xuất Đức giám mục Nguyễn Văn Thuận ra khỏi Sài Gòn ».

Ngày 01.07.1975, Ủy Ban Quân Quản gửi cho Cha một văn thư yêu cầu phải trở lại nơi cư trú trước ngày 30.04.1975.

Chiều ngày 15.08.1975, Ủy ban Quân quản mở cuộc họp tại Nhà hát Thành phố để cáo buộc 'sau lưng' Cha. Khoảng 350 Giáo sĩ, Tu sĩ được mời buộc phải nghe. Vì 'sợ', họ muốn ngừa tránh mọi phản ứng của người dân đối với vụ bắt Cha.

Trước đó, Đức Tổng Giám mục Nguyễn văn Bình và Cha được đưa đến Dinh Độc lập lúc 14 giờ. Tại đó, khi đi qua hành lang để đến phòng họp, Đức cha Bình đi trước, Đức cha Thuận đi sau. Lúc đó, một tên công an chặn Đức cha Thuận lại và nói: 'Anh đi lối này' và lôi Cha đi mất luôn. Khoảng 30 phút sau, chỉ thấy tướng Trà nói chuyện vu vơ, Đức cha Bình hỏi : - Thưa Thượng tướng, còn chuyện gì cần nữa không?

Tướng Trà trả lời:

- Thôi! Cụ ra về được rồi.
- Đức cha phó của tôi đâu mời Ngài cùng về.
- Như cụ thấy, chế độ này là chế độ Cộng sản. Tên Thuận là dòng dõi Ngô Đình Diệm, chúng nó chống Cách mạng từ trong trứng chống ra, nên không thể để nó ở đây được.

Sau đó, Cha bị bắt và đem đi trên một xe hơi có hai công an đi kèm và cuộc phiêu lưu của Cha bắt đầu... Trong cuộc hành trình, Cha biết mình đang mất tất cả. Cha ra đi với chiếc áo chùng thâm trong túi có một cổ tràng hạt. Cha chỉ còn biết phó thác cho Chúa Quan Phòng. Nhưng giữa bao lo âu ấy, Cha vẫn thấy có một niềm vui lớn: 'Hôm nay là lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời...' và Chúa yêu cầu Cha hãy trở về với điều cốt yếu.

Đ. Bỏ tù trái Luật vì không Bản án.

Trên đường dài 450 cây số, không có một ai. Cha thực sự bị bỏ rơi. Cha bị đưa đến quản thúc tại Giáo xứ Cây Vông (Khánh Hòa). Tại đây, nhiều công an chìm lẫn nổi theo dõi Cha.

Cha đau lòng khi các sinh hoạt mục vụ và các tu sĩ và giáo dân không thể tiếp tục tham gia các sinh hoạt tôn giáo. Cha hoàn thành cuốn sách *Đường Hy Vọng* trong thời gian tại Cây Vông, bằng việc biên soạn vào các đêm tháng 10 và 11/1975, trên những tờ lịch bloc được sự đóng góp của một gia đình bình thường đến vô danh và của một em bé tên Quang đã khởi đầu làm nên những trang ký này. Em có bốn phen về xin bố mẹ những bloc lịch, kín đáo đưa vào trong tù cho Cha và đến lấy mỗi ngày. Công việc xem ra là thường, nhưng thật ra đã là một hiểm nguy cho gia đình nếu Quang bị bắt quả tang. Nhờ một đứa trẻ, hôm nay chúng ta có dịp đọc được những suy nghiệm của Cha.

Ngày 18.03.1976, Cha bị đưa vào giam ở trại Phú Khánh, Nha Trang. Đây là nơi Cha đánh giá nơi mình nhiều vất vả nhất. Ngày 29.11.1976, Cha bị chính quyền đưa vào giam ở trại Thủ Đức.

Ngày 01.12.1976, Cha cùng nhiều tù nhân khác được lên tàu Hải Phòng, neo đậu tại bến Tân Cảng. Họ được đưa đến trại cải tạo Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phú, tọa lạc tại thung lũng núi Tam Đảo. Sau đó, Cha bị chuyển đến nhà giam Công an Hà Nội. Từ ngày 26.05.1978, Cha bị đưa ra quản thúc ở giáo xứ Giang Xá. Tại đây, Cha bí mật viết hai sách: *'Đường hy vọng dưới ánh sáng lời Chúa và Cộng đồng Vatican II'* và *'Những người lữ hành trên đường hy vọng'*. Cha đã bị quản thúc tại đây đến tháng 11/1982.

Cha từng giữ lại tờ báo Quan sát viên Rôma bọc cá được gửi đến theo kiểu bưu kiện vì cho rằng đó là sự hiệp thông với Đức Thánh Cha và Giáo hội Công giáo.

E. ĐEM YÊU THƯƠNG VÀO NƠI OÁN THÙ (*Kinh Hòa bình*).

Cha không hề có một lời oán hận đến những người đã đẩy đọa Cha. Cha đã hoán cải cả những người cộng sản vốn là cai tù theo dõi Cha.

VIII. Cha đã đảo lộn tất cả vị thế của hai người và sau 6 năm bị biệt giam, Cha nhận được thư của người cai tù như sau:

« Anh Thuận thân mến,
Tôi đã hứa với anh sẽ cầu nguyện Đức Mẹ La vang cho anh. Mỗi chủ nhật, nếu Trời không mưa lúc nghe chuông La vang, tôi lấy xe đạp vào trước đền thờ Đức Mẹ vì chiến tranh bom đạn đã đánh xập nhà thờ rồi. Tôi cầu nguyện như thế này: 'Thưa Đức Mẹ, tôi không có đạo, tôi không thuộc kinh nào cả. Nhưng tôi đã hứa cầu nguyện cho anh Thuận nên tôi đến đây xin Đức Mẹ biết anh Thuận cần gì thì cho anh ấy'.

VIII. Cán bộ tại đây bị điều chuyển liên tục, bảo vệ cũng bị thay đổi hai tuần một lần, do nhiều người đã bỏ định kiến và có ấn tượng tốt về Cha.

Cha viết : « Khi bị biệt giam ở Hà Nội, tôi được biết có 20 chiến sĩ nam nữ trẻ học tiếng Latinh với một cựu tu sĩ, để có thể đọc các tài liệu của Giáo Hội. Trong số mấy anh gác tôi có hai anh trong nhóm học Latinh. Trông thấy bài vở, tôi nhận thấy họ học tốt. Một hôm, một trong hai anh ấy hỏi tôi:

- Ông có thể dạy tôi một bài hát tiếng Latinh không?
- Có nhiều bài hay tuyệt, nhưng biết anh thích bài nào?
- Ông hát cho tôi nghe, tôi sẽ chọn.

Tôi đã hát Salve Regina, Veni Creator, Ave Maris Stella... Các bạn biết anh ta chọn bài nào không? Anh ta chọn bài Veni Creator (Xin Chúa Ngôi Ba đoái thương viếng thăm...).

Tôi đã chép trọn cả bài cho anh ta và anh ta học thuộc lòng. Mỗi sáng quăng 7 giờ, tôi nghe anh ta chạy xuống thang gỗ, ra sân tập thể dục, rồi múc nước vừa tắm vừa hát: Veni Creator Spiritus... Tôi rất cảm động, làm sao mỗi sáng trong nhà tù cộng sản lại có một cán bộ hát kinh 'Veni Creator' cho mình nghe! »

VIII. Trong khi ở trong tù với năm cai ngục trẻ. Cấp trên đã cấm họ nói chuyện với Cha. Ban đầu, họ được đổi mỗi 15 ngày. Quản lý nhà tù tin họ có nguy cơ bị 'nhiễm' tình ng ư ời với Cha ông trong thời gian dài. Cuối cùng, Quản lý nhà tù dừng không thay đổi nữa vì sợ Cha làm 'ô nhiễm' toàn bộ lực lượng.

Cha kể cho họ cuộc sống, các quốc gia khác Cha đã đến, gia đình, thời thơ ấu của Cha. Cha dạy họ tiếng Anh, tiếng Pháp. Một ngày nọ, Cha nhờ một cai tù đem một vật dụng gì đó để ông có thể cắt một cây thánh giá từ một miếng gỗ. Mặc dù tất cả các biểu tượng tôn giáo bị nghiêm cấm, Cha đã làm một Thánh giá Giám mục. Cha Ông giấu trong một bánh xà phòng. Một lần khác ông hỏi xin một đoạn dây điện và một cặp kìm. Trong vòng bốn giờ, Cha đã dùng dây này làm một chuỗi dây chuyền. Thánh giá đó về sau được mạ bạc và Cha vẫn mang.

4. Quản tù ngạc nhiên về sự bao dung của Cha, Cha trả lời: « Cho dù các anh giết tôi, tôi vẫn yêu thương các anh. Tại vì Chúa Kitô đã dạy tôi phải yêu thương tất cả mọi người, cả những kẻ thù. Nếu tôi không làm như vậy, tôi không đáng được gọi là Kitô hữu ».

E. Sự hồi tâm.

VIII. Ngày 28.01.1996, Linh mục Chân Tín viết một cách chua cay: « Chúng tôi ngồi yên nhìn cái ngu dốt và một cái sa lầy của một chế độ đang trên đà tan rã ». Và một Nguyễn Văn Trung cay

đăng cũng không kém: « *Tham gia Cách Mạng là tham gia vào một quá trình tự tiêu diệt sau này* ».

Như vậy, khuôn mặt chế độ trong việc bắt những thành phần 'phản động' và chính sách bách hại tôn giáo xảy ra ngay những ngày đầu 'Giải phóng'.

Thật vậy, từ đầu tháng 5/1975 đã nổ ra vụ trục xuất Đức Khâm sứ và Cha. Nhưng trở trêu là chính nhờ những cuộc bách hại như thế mà Miền Nam mới có những thánh nhân! Về tôn giáo, những con người tù đó là những bậc thánh nhân như trường hợp Cha, Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền, Hồng y Trịnh Như Khuê, thầy Marcel Văn, Linh mục Nguyễn Văn Vinh và biết bao nhiêu người có thể chết rũ tù mà không được biết đến.

VIII. Linh mục Thanh Lãng là một nhân chứng quan trọng hàng đầu trong việc trục xuất Cha ra khỏi Sài Gòn và đưa đến hệ lụy 13 năm tù lưu đày, tài liệu đánh máy 39 trang, và trao cho Giáo sư Nguyễn Văn Trung trước khi linh mục Thanh Lãng qua đời:

"Tôi xin công khai sám hối với Chúa và Hội thánh Toàn cầu và Việt Nam. Lạy Chúa xin tha thứ cho con mọi lầm lẫn và ban cho con lòng tin, lòng trông cậy và ơn tha thứ. Tôi xin công khai sám hối xin lỗi Đức cha Nguyễn Văn Thuận, xin Chúa giữ gìn và trả công cho Đức cha. Tôi xin công khai sám hối xin lỗi tất cả và tình anh em linh mục mà tôi vô tình hay cố ý, làm mất lòng. Tôi xin công khai và xin lỗi toàn thể dân Chúa mà tôi hối tiếc là chưa được phục vụ trong Mục vụ. Tôi xin mọi người tha tội cho tôi để Hội Thánh và Chúa tha tội cho tôi".

Ngày 28-11-1988,

Đình Xuân Nguyên, Thanh Lãng".

V. LINH MỤC LÀ ĐỨC KITÔ THỨ HAI.

Cha bắt chước Chúa Giêsu:

A. Cầu nguyện.

Trước khi đi rao giảng Tin Mừng, khi chọn các Tông đồ, Chúa Giêsu đã cầu nguyện rất nhiều. Người cũng đã mời gọi các Tông đồ cùng cầu nguyện với Người trong giờ phút sắp trút hơi thở cuối cùng.

Ngày 19.05.1968 (năm có các cuộc tấn công và tàn sát đồng bào bởi người cộng sản), Cha đã viết Thư Luân Lưu đầu tiên 'Tỉnh thức và Cầu nguyện' như Chúa Giêsu bảo: 'Hãy tỉnh thức và cầu nguyện' (Mt.26, 41).

Cha nhắc: 'Giáo hội, mà chúng ta là chi thể, chưa bao giờ vang hiển và uy thế như hiện nay, nhưng cũng chưa bao giờ phải đương đầu với một cuộc chiến thiêng liêng kinh khủng như hiện nay ? Chúa cần sự cộng tác của chúng ta, chúng ta cầnƠn Chúa, vì 'không có Người, chúng ta không làm

gì được'. Muốn được Ơn Chúa, chúng ta phải cầu nguyện.

Chúa muốn cho ta thấy lời cầu nguyện quan trọng chừng nào và lịch sử Hội Thánh cũng chứng minh điều ấy:

- Hội Thánh sinh ra bởi lời cầu nguyện,
- Hội Thánh thắng thù địch bằng lời cầu nguyện,
- Hội Thánh sống nhờ lời cầu nguyện.

Cha còn chỉ dạy: 'Con nắm một bí quyết: Cầu nguyện. Không ai mạnh bằng người cầu nguyện, vì Chúa đã hứa ban tất cả. Khi các con hiệp nhau cầu nguyện có Chúa ở giữa các con (x. Mt 18, 20). Cha tha thiết khuyên con ngoài giờ kinh, hãy cầu nguyện mỗi ngày tối thiểu một giờ, nếu được hai giờ càng tốt. Không phải là mất mát vô ích đâu! Trên quãng đường Cha đi, Cha đã thấy lời thánh Têrêxa Avila ứng nghiệm: 'Ai không cầu nguyện, không cần ma quỷ lôi kéo, sẽ tự mình sa xuống hỏa ngục'.

Trong quyển 'CẦU NGUYỆN', sách cuối cùng của mình, Cha dạy:

- Hoạt động không cầu nguyện là vô ích trước mặt Chúa. Máy móc tự động có thể làm hơn con.
- Thứ nhất cầu nguyện, thứ hai hy sinh, thứ ba mới hoạt động.

Tuy nhiên, không phải lúc nào, chúng ta cũng có thể cầu nguyện được như Cha nhắc: « Ở tù về, tôi được nhiều người chất vấn: 'Cha sướng thật, trong tù Cha đã có nhiều thời giờ để cầu nguyện!' Không phải đơn giản như các bạn nghĩ đâu! Chúa đã cho tôi có dịp hiểu rõ sự yếu đuối thể lý và tinh thần của tôi. Thời giờ trong tù trôi qua chậm rãi, đặc biệt trường hợp của những ai bị biệt giam. Bạn hãy tưởng tượng một tuần, một tháng, hai tháng thình lặn... thấy lâu dài cách kinh khủng. Khi thình lặn ấy kéo dài từng năm, thì nó trở thành đời đời... Ông bà ta thường bảo: 'Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại, nghĩa là, một ngày trong tù dài bằng ngàn thu tự do' ».

VIII. Đức Vâng Lời.

Ngày 24.04.1975, Cha được Đức Phaolô VI bổ nhiệm làm Tổng Giám mục hiệu tòa Vadesi, Tổng Giám mục phó Tổng Giáo phận Sài Gòn với quyền kế vị.

Thưa Cha, Cha quyết định đi vào Sài Gòn, noi gương Đức Kitô đã phải đi Giêrusalem, dù Cha có thể tiên đoán những gì mình sẽ phải gặp tại đó như Cha viết trong 'NĂM CHIẾC BÁNH VÀ HAI CON CÁ' :

« Giờ đây, tôi phải đi vào Sài Gòn lập tức, theo lệnh Đức Phaolô VI bổ nhiệm... »

Đêm ấy 07.05.1975, khi tôi ghi âm những lời tạm biệt Giáo phận Nha Trang, tôi đã khóc nhiều, đó là một lần độc nhất tôi đã khóc nhiều, đó là một lần độc nhất tôi đã khóc thốn thức trong tám năm ở Nha Trang – vì thương nhớ. Nhưng tâm hồn tôi rất bình an, vì tôi vâng lời Đức Thánh Cha.

Tiếp đến là gian khổ, thử thách tại Sài Gòn... »

VIII. Linh mục nuôi Dân Chúa bằng Mình Thánh Đức Kitô.

Qua Bí tích Truyền Chức Thánh, Thiên Chúa trao cho Linh mục đặc ân « *xin Chúa Thánh Thần đoái thương thánh hóa những của lễ này, để trở nên Mình và Máu Thánh Đức Kitô, Chúa chúng tôi... Tất cả các con hãy nhận lấy mà ăn : vì này là Mình Thầy, sẽ bị nộp vì các con... Tất cả các con hãy nhận lấy mà uống : vì này là Chén Máu Thầy, Máu Giao Ước mới và vĩnh cửu sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội.* » và Linh mục vâng lời Thầy Chí Thánh dạy « *Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy.* »

Chúa Quan phòng đã hướng dẫn Cha chọn thâm cứu và viết luận án Tiến sĩ về 'Tuyên úy Quân đội' và đã từng là Tuyên úy Lao xá Thừa Thiên, Cha có những kinh nghiệm để trở thành Tuyên úy trại giam các tù nhân không bản án. Cha thấu biết mọi người Công giáo cần Mình Đức Kitô để sống trong những ngày đen tối như Cha kể :

« Trong Thánh Thể, chúng tôi loan truyền sự chết của Chúa Giêsu và tuyên xưng sự sống lại của Ngài. Có lúc buồn nản vô cùng, tôi nhìn lên Chúa Giêsu chịu đóng đinh và bị bỏ rơi trên Thánh giá: Ngài không giảng dạy, thăm viếng, chữa lành bệnh tật; Ngài hoàn toàn bất động. Đối với con mắt loài người, cuộc đời Chúa Giêsu là vô ích, là thất bại. Nhưng đối với đôi mắt Thiên Chúa, chính giây phút ấy lại là giây phút quan trọng nhất của đời Ngài, vì trên Thánh giá Ngài đã đổ máu mình để cứu chuộc nhân loại. Chúa Giêsu là mẫu gương của tình yêu tuyệt đối với Đức Chúa Cha và các linh hồn. *Ngài đã cho tất cả, yêu thương đến cùng* (Ga 13, 1), cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng và nói lên tiếng '*hoàn tất*' (Ga 19, 30). » Nhưng làm sao để Thánh Thể hiện diện trong nhà tù?

« Khi bị bắt, tôi phải ra đi tay không, đi ngay lập tức. Ngày hôm sau, tôi được phép viết cho những người thân để xin những thứ cần thiết nhất như áo quần, kem đánh răng, ... Tôi viết 'Xin vui lòng gửi cho tôi một chút rượu thuốc để chữa bệnh đường ruột'. Các tín hữu hiểu ngay. Họ gửi cho tôi một chai nhỏ đựng rượu lễ, bên ngoài có ghi 'Thuốc chữa bệnh đường ruột', còn bánh lễ thì họ giấu trong một ống nhỏ chống ẩm thấp. Giám thị hỏi tôi :

– Ông bị bệnh đường ruột?

– Phải.

– Đây, có ít thuốc cho ông đây.

Cha đã kể cho Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II, các Giáo sĩ và nhân viên Giáo Triều Rôma nhân dịp giảng tĩnh tâm Mùa Chay năm 2000 :

« ... Tôi không bao giờ có thể diễn tả hết niềm vui lớn lao của tôi: mỗi ngày, với ba giọt rượu và một giọt nước trên lòng bàn tay, tôi cử hành Thánh Lễ. Và đó cũng là bàn thờ, là nhà thờ Chính tòa của tôi! Đó là liều thuốc đích thực cho linh hồn và thân xác tôi : 'thuốc trường sinh bất tử',

thuốc giải độc để khỏi chết, nhưng luôn được sống trong Chúa Giêsu', như Thánh Ignatio thành Antiokia đã nói.

Mỗi lần như thế tôi được dịp giang tay và đóng đinh mình vào thập giá với Chúa Giêsu và cùng Ngài uống chén đau khổ nhất. Mỗi ngày, khi đọc lời truyền phép, với tất cả tâm hồn, tôi làm lại một giao ước mới, giao ước vĩnh cửu giữa tôi và Chúa Giêsu, hòa lẫn Máu Ngài với máu của tôi. Đó là những Thánh Lễ đẹp nhất trong đời tôi !



Họa sĩ Paul Newton, người Úc, vẽ theo lời yêu cầu của Hồng y Pell tại Úc.

Bức họa mô tả cảnh người tù kiệt xuất này đang quỳ, hai tay giang ra dâng Thánh Lễ trong tù biệt giam. Ai nhìn bức hình đó thì không khỏi bồi hồi xúc động. Nó như thật, nó sống động, nó mô tả từng chi tiết nhỏ nơi giam cầm. Nó hình như không nói gì, nhưng gián tiếp tố cáo một chế độ tàn bạo, bất nhân, tha hóa con người.

Bức hình đó cũng làm nên cái cao quý của con người – trong tuyệt vọng vẫn còn hy vọng – trong tối tăm tù đầy vẫn còn ánh sáng Niềm Tin tôn giáo. Nó toát ra sự can trường, nhẫn nhục, sự khó nghèo, sự khổ cực đồng thời sự cao cả tâm hồn của tù nhân.

Nói tóm gọn, tấm hình có giá trị bằng hàng ngàn lời nói. Hiện nay, bức họa được treo trong nguyện đường Domus Australia của Giáo hội Úc tại Rome.

Tuy nhiên cách dâng lễ mỗi nơi mỗi khác. Dưới hầm tàu thủy chở tôi ra miền Bắc, ban đêm tôi ngồi giữa mấy bạn tù, bàn thờ là túi cói đựng đồ, dâng lễ thánh Phanxicô quan thầy của tôi và cho các bạn chịu lễ. Lúc ở trại Vĩnh Quang, tôi phải dâng lễ trong góc cửa ban sáng lúc người ta đi tắm sau giờ thể dục. Lúc đã quen với thời khóa biểu của trại, tôi dâng lễ ban đêm, vì chúng tôi được chia thành từng đội 50 người, ngủ chung trên một lán gỗ, mỗi người được 50 cm, đầu đụng nhau, chân quay ra ngoài. Chúng tôi đã thu xếp để năm anh em Công giáo nằm quanh tôi. Đến 9 giờ rưỡi đêm, nghe tiếng keng là tắt đèn và mọi người phải nằm trong mùng muỗi cá nhân, tôi ngồi cúi sát xuống để dâng lễ thuộc lòng. Tôi đưa tay

dưới mừng để chuyển Mình Thánh cho anh em chịu lễ. Chúng tôi nhặt lấy giấy nylon bọc bao thuốc hút để làm những túi nhỏ đựng Mình Thánh. Như thể Chúa Giêsu luôn ở giữa chúng tôi. Chúng tôi tin một sức mạnh : Thánh Thể. Thịt Máu Chúa làm cho chúng tôi sống. « *Ta đã đến là để chúng được có sự sống, và có một cách dồi dào* » (Ga 10,10). Như manna nuôi dân Do Thái đi đường về Đất hứa, *Thánh Thể sẽ nuôi con đi cùng đường Hy vọng* (Ga 6, 53).

Mỗi tuần, sáng thứ sáu có buổi học tập, tất cả 250 anh em phải tham dự. Đến lúc xả hơi, các bạn Công giáo thừa dịp đó mang các túi nylon đựng Mình Thánh đến chia cho bốn đội kia, mỗi người thay nhau mang trong túi áo một ngày...

Người tù biết có Chúa Giêsu Thánh Thể đang ở giữa trại tù với họ. Chính Ngài an ủi, xoa dịu những khổ đau thể xác và tinh thần; chính Ngài thêm can đảm chịu đựng cho họ. Ban đêm, họ thay phiên nhau làm Giờ Thánh. Sự hiện diện thình lặn của phép Thánh Thể biến đổi họ cách lạ lùng. Nhiều người Công giáo trở lại sống đạo đức hơn; nhiều anh em không Công giáo tìm hiểu Phúc âm và lãnh phép Thánh tẩy trong trại cải tạo, hoặc sau lúc được tự do. Nhà tù trở thành trường dạy Giáo lý. Không có gì cưỡng lại được tình yêu Chúa Giêsu. Đêm tối ngục tù trở thành ánh sáng, hạt giống đã đâm chồi dưới đất đang lúc trời giống tổ phong ba. Những ơn trọng này do Chúa Giêsu Thánh Thể chứ không phải do sức loài người. »

VI. TÔI PHẢI CHỌN CHÚA CHỨ KHÔNG PHẢI VIỆC CỦA CHÚA.

Khi còn trẻ tuổi và sức khỏe dồi dào, Cha chẳng những thành công nơi Giáo phận Nha Trang mà còn đứng đầu một tổ chức bác ái có thể lực là Cơ quan Hợp tác Tái thiết Việt Nam. Nhưng đêm 01.12.1975, cùng với 1.500 bạn tù đối, mệt, chán nản, bị còng tay hai người chung một khóa số 8, bước xuống găm tàu 'Hải Phòng' đậu tại bến Tân cảng gần cầu Xa lộ, để chở ra trại cải tạo Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phú, trong thung lũng núi Tam Đảo, mùa đông 1976-77 lạnh rét 2°C. Cha thuật lại :

« Nỗi gian khổ của 9 năm biệt giam một mình với hai người gác, không bạn bè, không có việc làm, tôi ở trong một sự trống rỗng tuyệt đối, đến mức có thể điên đi được. Tôi đi lại suốt ngày trong buồng giam, để vận động cơ thể kéo năm luôn thì tôi sẽ chết vì thấp khớp, viêm phổi. Nhiều lúc một mình, tôi bị đau khổ giày vò, tại sao đang lúc mình 48 tuổi, trưởng thành và khỏe mạnh, sau tám năm Giám mục tôi đã có nhiều kinh nghiệm mục vụ, lại phải vào phòng biệt giam, xa Giáo phận những 1.700 km?

Một đêm thanh vắng, một tiếng từ đáy lòng nhắc nhở tôi: « Tại sao con quẩn trí, hoang mang như thế làm gì? Con phải biết phân biệt giữa Chúa và Công việc của Chúa. Những gì con đã làm và tiếp tục làm như kinh lý Giáo phận, huấn luyện nam nữ tu sĩ, giáo dân, thanh niên, kiến thiết thánh đường, cư xá sinh viên, mở mang các thí điểm truyền giáo... tất cả những công tác ấy đều là những việc tốt lành, là việc của Chúa, nhưng

không phải là Chúa! Nếu Chúa muốn con trao tất cả các việc ấy trong tay Ngài, con hãy làm ngay, và hãy tin tưởng vào Ngài. Chúa có thể làm tốt hơn con muôn nghìn lần; Ngài có thể trao việc của Ngài cho những người tài đức hơn con. Hãy chọn một mình Chúa thôi, chọn thánh ý Ngài, chứ đừng chọn việc của Chúa! »

Tôi luôn luôn học tập làm theo ý Chúa. Nhưng ánh sáng này mang lại cho tôi một sinh lực mới, thay đổi tận gốc lối suy nghĩ của tôi, giúp tôi vượt qua những bước gian truân mà hầu như cơ thể không chịu đựng nổi. Từ đây tôi cảm thấy trong lòng tôi 'một sự bình an mà thế gian không cho được'.

Theo tính tự nhiên, những lúc chương trình đang thực hiện tốt đẹp phải bỏ dở, hoạt động đang hăng say phải bỏ tay, nhiệm vụ đang quan trọng phải hạ tầng công tác! Uất ức và chán nản! Tôi tự hỏi: Chúa gọi con 'Hãy theo Thầy' hay 'Hãy theo việc nọ, người kia?'. Để đó, Chúa sẽ liệu, Ngài sẽ giải quyết tốt hơn con là cái chắc.

Ở trại Phú Khánh, tôi bị giam trong một phòng không có cửa sổ, phải đi qua ba lớp cửa trong một hành lang mới đến khí trời. Vào đó nóng cực kỳ, tôi ngột ngạt và cảm thấy trí óc mất sáng suốt dần dần, cuối cùng là mê man. Có lúc người ta để đèn sáng như ban ngày, lúc khác lại nằm trong bóng tối. Buổi vừa nóng vừa ẩm, đến nỗi tôi xuống nằm dưới nền, còn nằm thì mọc lên trắng cả chiếc chiếu của tôi. Lúc nằm trong tối tăm, tôi thấy có một lỗ dưới vách, ánh sáng lọt vào, tôi lết đến, kê mũi vào đó để thở. Lúc nào trời mưa, nước ở ngoài ngập, những con trùng ở ngoài bò vào, có cả giun và có lần có cả con rết dài; dù thấy vậy, nhưng tôi yếu mệt quá không làm gì được, tôi cứ để cho chúng bò quanh, ngày nào nước xuống, thì chúng lại bò ra. Sau này hai linh mục bị giam cách tôi hai lớp cửa, đã thuật lại cho tôi biết: « Một hôm cô Thanh, cấp dưỡng, đã mở cửa cho chúng con ra đứng nhìn Đức cha nằm dưới đất và bảo: 'cho hai anh nhìn thấy ông Thuận, ông sắp chết!' ». Nhưng trong cơn cơ cực này, Chúa đã cứu tôi! Tôi phải chọn Chúa chứ không phải việc của Chúa: Chính Chúa muốn cho tôi ở đây, chứ không phải nơi khác. »

« Khi còn ở trong tù, xét theo một nghĩa nào đó, việc chọn lựa một mình Thiên Chúa đối với tôi dễ dàng hơn mặc dầu không thiếu những cám dỗ chịu theo sự thỏa hiệp. Nhưng khi không còn những an ninh trước đó nữa, tôi cảm thấy cần phải tập trung tất cả cuộc sống mình vào một điều 'cần thiết duy nhất' (cf Lc 10,42) trong số những gì được xem là hoàn toàn quan trọng.

Giờ đây được tự do với lắm công việc và những công tác nhiều khi nặng nề, tôi thật dễ dàng trở nên Marta hơn là Maria.

Thực vậy, không có Mục Tử nào nghĩ rằng mình không chọn Chúa. Tất cả chúng ta đều xả thân tận tụy với các công việc của Chúa. Nhưng tôi cảm thấy mình luôn cần phải tái xét mình cách thành thật trước mặt Chúa.

Trong cuộc sống mục vụ của tôi, bao nhiêu phần dành cho Chúa và bao nhiêu phần dành cho các công việc của Ngài (mà nhiều khi đó chỉ là công việc của tôi) ? Khi từ khước một nhiệm vụ hoặc mong ước một nhiệm vụ khác, tôi có thực sự là vô vị lợi hay không ?

Tác giả thư Tín hữu Do thái khuyên rằng : 'Anh em chỉ cần cương quyết' (Do thái 10,36). Cương quyết để thực sự tự do. Ai tự do thì không sợ, như Moisé : 'Moisê khi lớn lên, không muốn được coi là con trai của công chúa vua Ai cập. Ông muốn được đối xử giống như dân Chúa, hơn là sống thoải mái trong một thời gian ngắn, nhưng trong tội lỗi' (Do thái 11,24-25).

VII. SỐNG PHÚT HIỆN TẠI.

Chiều tối ngày 15.08.1975, trên đường dài 450 km, xe công an chở Cha về nơi quản thúc. Tâm tình lẩn lộn trong đầu óc Cha như Cha đã viết trong 'NĂM CHIẾC BÁNH VÀ HAI CON CÁ':

« Lúc đó, tôi lo lắng có, cô đơn có, mệt mỏi có, sau mấy tháng căng thẳng... nhưng trong trí tôi, một quyết định sáng tỏ đã đánh tan mây mù. Tôi nhớ lời Đức Cha John Walsh, một Giám mục truyền giáo gốc Mỹ, đã nói lúc ngài được tự do sau 12 năm tù ở Trung cộng: 'Tôi đã mất nửa đời người để chờ đợi'. Rất đúng! Tất cả mọi tù nhân, trong đó có tôi, phút giây nào cũng mong đợi tự do. Suy nghĩ kỹ, trên chiếc xe Toyota trắng, tôi đã đặt cho mình một quyết định 'Tôi sẽ không chờ đợi. Tôi sống phút hiện tại và làm cho nó đầy tình thương'.

Đây không phải là một cảm hứng đột xuất, nhưng là một xác tín đã ấp ủ suốt quãng đời mãi từ tiểu chủng viện 'Nếu tôi mất giờ đợi chờ, không làm gì hết, biết đâu những điều tôi đợi sẽ không bao giờ đến. Chỉ có một điều, dù không đợi cũng vẫn đến, đó là sự chết!'

Trong làng Cây Vông, nơi tôi bị quản thúc, ngày đêm có nhân viên an ninh chìm nổi theo dõi. Trong óc một tư tưởng không ngừng làm tôi xót xa, thao thức: 'Giáo dân của tôi! Một đoàn chiên hoang mang, giữa bao hiểm nguy, thách đố của một giai đoạn lịch sử mới. Làm sao tôi có thể gần gũi, liên lạc với họ, trong giai đoạn họ cần đến người mục tử nhất! Các nhà sách Công giáo bị đóng cửa, trường học Công giáo do Nhà nước quản lý, tôn giáo sẽ không còn được dạy dỗ trong các trường nữa; các linh mục, sư huynh, nữ tu có khả năng phải đi ra thôn quê, đi nông trường lao động, không được dạy học nữa! Sự xa lìa giáo dân là một cú 'sốc' giầy vò tan nát quả tim tôi.

Tôi không đợi chờ. Tôi sống phút hiện tại và làm cho nó đầy tình thương. Nhưng làm thế nào?

Một đêm, một tia sáng đến với tôi: 'Con hãy bắt chước thánh Phaolô. Khi Ngài ở tù, không hoạt động tông đồ được, Ngài đã viết thư cho các giáo đoàn. Đơn giản vậy mà con đi tìm đâu cho xa?'

Sáng hôm sau, vừa mới tỉnh sương, giữa tháng 10 năm 1975, tôi làm hiệu cho một cậu bé 7 tuổi, tên Quang, vừa đi lễ 5 giờ ra, trời còn mù và lạnh: "Quang! Con về nói má con mua cho ông mấy 'bloc' lịch cũ, ông cần dùng'. Chiều tối, chú bé mang lại mấy 'bloc' lịch cũ. Thế là mỗi đêm trong tháng 10 và tháng 11/1975, tôi đã đóng hết cửa, lấy giấy xi-măng dán bên trong và viết 'Sứ điệp từ ngục tù' cho giáo dân của tôi, dưới ánh đèn dầu leo lét, mặc cho muỗi tha hồ đốt. Mỗi sáng thức sớm tôi trao cho bé Quang, mấy tờ lịch tôi đã viết sau lưng, mang về cho anh, chị của Quang chép lại kéo mất. Nếu để trên bàn tôi, 'ông An' (một giáo dân) thấy sẽ sinh tai họa. Đây là đầu đuôi sách 'Đường Hy Vọng', sứ điệp lao tù thành hình là như thế. Hiện nay sách đã được xuất bản bằng tám thứ tiếng.

Chúa đã ban ơn cho tôi có nghị lực để tiếp tục làm việc, kể cả những lúc chán nản nhất. Tôi đã viết đêm ngày trong một tháng rưỡi, vì tôi sẽ bị 'chuyển trại' và không có điều kiện hoàn tất được. Lúc viết đến số 1001, tôi quyết dừng lại, xem đây như công trình 'nghìn lẻ một đêm'. Ngày 08.12.1975, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, tôi đã tạ ơn Đức Mẹ cho tôi viết xong 'Đường Hy Vọng' và trao trong tay Đức Mẹ gìn giữ, đó là của Đức Mẹ, nhờ ơn Đức Mẹ, xin Đức Mẹ tiếp tục lo liệu. Đoán vậy mà không sai, đến ngày 18.03.1976, tôi bị đưa vào trại Phú Khánh, biệt giam vất vả nhất.

Năm 1980, lúc bị đưa ra quản thúc ở Giang Xá, Bắc Việt, tôi đã tiếp tục viết mỗi đêm trong bí mật cuốn thứ hai, 'Đường Hy Vọng Dưới Ánh Sáng Lời Chúa và Công Đồng Vatican II', cuốn thứ ba, 'Những Người Lữ Hành Trên Đường Hy Vọng'.

Tôi không chờ đợi. Tôi sống phút hiện tại và làm cho nó đầy yêu thương. Trong Phúc âm, các Tông đồ muốn chọn con đường dễ nhất, khỏe nhất: « Xin Thầy cho dân chúng về, để họ mua thức ăn »... Nhưng Chúa Giêsu muốn hành động trong phút hiện tại: « *Chính các con hãy cho họ ăn đi* » (Lc 9, 1).

Trên Thánh giá, khi người ăn trộm thưa với Chúa Giêsu: « *Thưa Ngài, khi về thiên đàng xin Ngài nhớ đến tôi* ». Chúa Giêsu đáp: « *Hôm nay con sẽ ở cùng Ta trên nước thiên đàng* » (Lc 23, 42-43). Trong tiếng 'hôm nay' của Chúa Giêsu, tôi cảm thấy tất cả sự tha thứ, tất cả tình thương của Ngài. Cha Maximiliano Kolbe sống tinh thần ấy khi Ngài khuyên các tập sinh trong dòng 'Tất cả, tuyệt đối, không điều kiện'. Tôi đã nghe Đức cha Helder Camara nói: « Cả cuộc đời là học yêu thương ». Một lần Mẹ Têrêsa Calcutta gửi thư cho tôi, Mẹ viết: « Điều quan trọng không phải là số công tác đã thực hiện nhưng là mức độ tình yêu ta đã đổ vào mỗi công việc ».

Làm sao yêu thương đến cao độ như thế trong mỗi phút hiện tại? Tôi nghĩ rằng tôi phải sống mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút như là giờ phút cuối cùng của đời tôi. Dẹp bỏ những gì là phụ thuộc, tập trung cả tâm hồn cho những gì là chính yếu. Mỗi lời nói, mỗi tư tưởng, mỗi cử chỉ, mỗi cú điện

thoại, mỗi quyết định phải là 'đẹp nhất' của đời tôi. Tôi phải dành cho mỗi người tình yêu của tôi, nụ cười của tôi: tôi phải lo sợ đánh mất một giây phút nào trong đời mình vì đã sống không ý nghĩa...

Tôi đã viết trong sách 'Đường Hy Vọng': « Con chỉ có một giây phút đẹp nhất: giây phút hiện tại (x Mt 6, 34; Gc 4, 13-15). Sống trong tình yêu Chúa cách trọn vẹn, đời con sẽ tuyệt đẹp nếu kết tinh bằng từng triệu giây phút đẹp nhất. Con thấy đơn sơ, không phải khó (ĐHV 997).

... Lạy Chúa, con không đợi chờ,
con quyết sống phút hiện tại,
và làm cho nó đầy tình thương,
vì chấm này nối tiếp chấm kia,
ngàn vạn chấm thành một đường dài.

Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống.
Chấm mỗi chấm cho đúng, đời sẽ đẹp.
Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh.
Đường hy vọng do mỗi chấm hy vọng.
Đời hy vọng do mỗi phút hy vọng.
Như Chúa Giêsu, trọn đời đã làm những gì đẹp lòng Đức Chúa Cha.
Mỗi phút giây con muốn làm lại với Chúa,
'một giao ước mới,
một giao ước vĩnh cửu'.
Con muốn cùng với Hội thánh hát vang:
Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.
Alleluia! Alleluia! Alleluia!
Cây Vông, Nha Trang, nơi tôi bị quản thúc
16.08.1975, hôm sau lễ Đức Mẹ Lên Trời.

VIII. NGƯỜI TÙ KHÔNG BẢN ÁN.

Thuật lại việc ra khỏi nhà tù của mình, Cha đã viết trong 'NĂM CHIẾC BÁNH VÀ HAI CON CÁ' như sau:

« Một hôm trời mưa, tôi đang thổi cơm trưa, tôi nghe điện thoại của chiến sĩ trực reo. 'Biết đâu có tin gì cho tôi? Đúng rồi, bữa nay là lễ Đức Mẹ dâng mình vào Đền thánh, 21 tháng 11 mà!'

Năm phút sau, anh chiến sĩ trực đến:

- Ông Thuận ơi, ông ăn chưa?
- Chưa ạ, tôi đang thổi cơm đây.
- Ăn xong, ăn mặc sạch sẽ, đi gặp lãnh đạo.
- Lãnh đạo là vị nào vậy?
- Tôi không biết, tôi chỉ được báo thế. Chúc ông may mắn.

Tôi đã được đưa đến nhà khách chính phủ, bên hồ Ha-le, và tôi đã gặp ông Mai Chí Thọ, Bộ trưởng Nội vụ (Bộ công an). Sau lời chào hỏi xã giao, ông Bộ trưởng đã hỏi:

- Ông có nguyện vọng gì không?
- Thưa có, tôi muốn được tự do.
- Bao giờ?
- Hôm nay.

Ông Bộ trưởng có vẻ ngạc nhiên, thường tình phải có thời gian cho cơ quan nhà nước xếp đặt... Nhưng hôm nay là lễ Đức Mẹ nên tôi tin chắc và xin như vậy. Để đánh tan bầu khí lúng túng và ngạc nhiên ấy, tôi nói:

- Thưa ông Bộ trưởng, tôi ở tù lâu lắm, suốt ba đời Giáo hoàng: Phaolô VI, Gioan Phaolô I, và Gioan Phaolô II. Về phía xã hội chủ nghĩa thì tôi đã ở tù bốn đời Tổng Bí thư Liên Xô: Brezhnev, Andropov, Chernenko, và Gorbachev.

Ông Bộ trưởng bật cười và nói: - Đúng! Đúng!

Ông quay qua bảo người bí thư: - Hãy liệu đáp ứng nguyện vọng của ông.

Trong lòng tôi vui mừng tạ ơn Đức Mẹ Maria, vì không những được tự do mà còn được cả dấu chỉ. Chắc Mẹ tha tội tôi cả gan thách đố Mẹ. »

Phản ứng quốc tế về vụ bắt giữ.

Tháng 2/1977, Tòa Thánh biết và lo ngại tin việc Cha bị bắt giữ. Nhưng các chi tiết về vụ việc này không được công bố. Thông tin từ tờ Catholic News Service cho biết Cha bị giam giữ trong một phòng giam thiếu khí và tối, bị ngược đãi, đánh đập và buộc đứng hàng giờ liền. Tháng 5/1977, thông tin về sự kính mến từ tù nhân đối với Cha được lan truyền.

Tháng 6/1977, bà Anna Ngân, em gái Cha, đã cho tải thông tin đề nghị trả lại tự do cho Cha trên trang nhất báo Tổng giáo phận Sydney, Catholic Weekly The Australian. Vài tháng sau, bà Ngân và các Giám mục Úc đề nghị Thủ tướng Úc Malcolm Fraser yêu cầu các quan chức Việt Nam cung cấp thông tin nhưng không kết quả. Câu hỏi về tình hình Cha cũng được Giáo hoàng Phaolô VI đưa ra khi tiếp kiến Thủ tướng Fraser tháng 5/1977.

Bà Thủy Tiên, em Cha, kể về thời kỳ đầu, cho biết: « Trong nhiều năm trời, chúng tôi không nhận được bất cứ tin tức gì về Cha cả, Chúng tôi nghĩ rằng anh chúng tôi đã bị giết. Thế rồi hội Hồng Thập Tự, qua nhiều năm truy tìm, báo cho gia đình chúng tôi biết là Cha vẫn còn sống, và hiện đang bị giam trong trại cải tạo ».

Bà cho biết tiếp: « Sau này, những người cộng sản bảo ngài viết thư báo cho thân nhân mua thuốc tây gửi vào vì ngài bị bệnh... Thế rồi mỗi tháng, chúng tôi đều gửi toa đến một dược phòng bên Pháp, để đặt mua hàng trăm loại thuốc kháng sinh gửi vào trại cải tạo. Chúng tôi biết những loại thuốc đó không phải cho ngài, nhưng chúng tôi không có sự chọn lựa nào khác, họ còn nhảu gia đình gửi sữa vào để nuôi người bệnh. Chúng tôi đã gửi sữa hộp vào trại, cho mãi đến khi ngài được thả, khi hỏi ngài bảo cán bộ chỉ đưa cho ngài hộp không và nói là sữa bị chuột ăn hết rồi. Có lần khi

ông lâm trọng bệnh, hội Hồng Thập Tự dàn xếp để đưa ngài sang Pháp giải phẫu, rồi sau đó đưa ngài trở lại biệt giam tại miền Bắc Việt Nam.

Trong những giây phút bi đát nhất của cuộc đời, bí quyết của Cha là tin tưởng phó thác cho Thiên Chúa; sống trọn vẹn giây phút Hiện Tại và nương nhờ vào tình yêu của Mẹ Maria. Cha phó thác tất cả cho Mẹ, để Mẹ dâng lên Chúa. Tâm tình đó đã được Cha lần lượt viết thành sách và diễn tả ra bằng những vần thơ:

'Đời con dâng hiến Mẹ của con
Giây phút đầu tiên đến Sài Gòn
Cáo gian lắm điều con vì Mẹ
Vu vạ nhiều nỗi Mẹ với con
Sống chết lao tù con có Mẹ
Gian truân chẳng quản Mẹ bên con
Tăm tối đêm trường con theo Mẹ
Băng rừng vượt biển Mẹ dẫn con
Cô quạnh ê chề con kêu Mẹ
Hy vọng trào tràn Mẹ nghe con
Đau khổ xác hồn con nhìn Mẹ
Âm thầm lễ tế Mẹ dạy con
Muôn vàn thương mến con trao Mẹ
Ức triệu ân tình Mẹ thương con
Sứ mạng tương lai con dâng Mẹ
Khó khăn hiện tại Mẹ giúp con
Âu yếm đêm ngày con yêu Mẹ
Ngày về tin tưởng Mẹ đợi con.'

"CON VỚI MẸ" Trại Thanh Liệt, 08.12.1978

IX. MỤC TỬ VIỆT NAM LÀM VIỆC TẠI GIÁO TRIỀU.

Năm 1989, các Giám mục Việt Nam hy vọng trao cho Cha trách vụ Chủ tịch hay Tổng thư ký Hội đồng Giám mục trong kỳ Đại hội thường niên dự trù diễn ra vào cuối năm. Tuy nhiên, cùng thời gian đó, Cha bệnh nặng phải đưa vào điều trị tại Sài Gòn vì Hà Nội không đủ phương tiện.

Bộ Nội vụ gởi ông Nguyễn tư Hà vào gặp Cha tại bệnh viện và yêu cầu Cha từ chối bất cứ chức vụ nào, kể cả Chủ tịch các Ủy ban hay Tiểu ban. Cha trả lời Cha không kiểm soát sự chỉ định của Hội đồng và nếu được cử, Cha không thể từ chối. Ông Hà đã đến phiên họp của các Giám mục và thông báo rằng chánh phủ không muốn thấy Cha được bầu vào một chức vụ nào trong Hội đồng.

Trong khi Hội đồng Giám mục nhóm Đại hội, Cha phải chịu giải phẫu, chẳng những không thành công mà còn bị nhiễm độc. Cha không thể đến họp và các Giám mục không bầu cho Cha được.

Nhờ sự can thiệp của Medical Community of Saint Egidio tại Rôma, Cha được phép sang chữa trị tại Ý. Cuộc giải phẫu thành công và sau vài tuần tịnh dưỡng, Cha đã trở lại Quê Nhà. Về đến phi trường, hộ chiếu của Cha bị tịch thu để Cha không thể đi lại, dù trong nước và Cha bị canh chừng

cẩn mật... vì, lúc đó, chế độ cộng sản tại các quốc gia Đông Âu lần lượt tan rã.

Đầu năm 1991, Đức Hồng y Phạm đình Tụng viết thư xin Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II bổ nhiệm Cha vào Sứ nhiệm Tổng Giám mục phó Tổng Giáo phận Hà nội với quyền kế vị. Giáo quyền Vatican thăm dò đề nghị này với thẩm quyền Việt Nam. Họ nổi giận tức thì.

Cha được mời đến Bộ Nội vụ gặp Đại tá Nguyễn hồng Lam, đứng đầu cơ quan phản gián và phụ trách tôn giáo vụ. Ông này vừa cáo buộc Cha 'chơi trò' với chánh phủ vừa nói rằng Vatican không thể bổ nhiệm Cha mà không hỏi ý họ trước. Ông nổi xung nói: « Bây giờ, những người lãnh đạo ở Rôma đã đi xa. Bao nhiêu năm qua, cả họ và ông (Đức cha Thuận) đã biết chúng tôi không chấp nhận ông là Tổng Giám mục TP.Hồ chí Minh. Giờ đây, thật bất ngờ, khi Vatican muốn ông trở thành Tổng Giám mục tương lai của Hà nội. Đây là một mưu đồ lớn hơn kế hoạch được đề ra bởi Vatican và đế quốc vào năm 1975.»

Cha đã im lặng nghe và, sau đó, nhẹ nhàng trả lời: « Đó là một sự hiểu lầm, Tòa Thánh không 'chỉ đạo', đó không phải là một sự 'bổ nhiệm' tôi. Các Giám mục Việt Nam đề nghị Tòa Thánh chọn tôi trở thành Tổng Giám mục phó Hà nội. Các Vị này đã làm như vậy vì muốn xây dựng một tương lai lâu dài (cho Giáo hội Việt Nam). Các Vị biết tôi không được cho phép giữ một chức vụ lãnh đạo nào trong hiện tại, nên 'chỉ định' tôi lãnh nhận một chức vụ trong tương lai'. Tòa Thánh hiểu sự khôn ngoan này và, do đó, Tòa Thánh yêu cầu chính phủ Việt Nam chấp thuận đề nghị này.»

« Ông luôn luôn nói với một vọng dục dằng ». Ông Lam trả lời, « nhưng ông không ngừng gây cho chúng tôi những vấn đề. Hiện giờ, chúng tôi có những chuyện phải giải quyết gấp. »

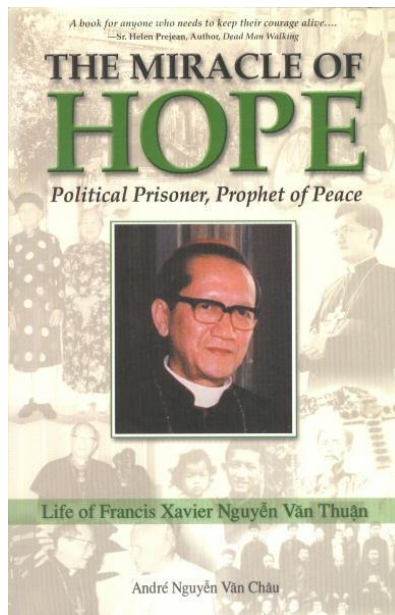
Ông quay lưng đi và, khi đối diện lại với Cha, bỗng nhiên, ông đổi ý: « Sao ông không đi thăm song thân? » Ông Lam tử tế nói « và ở lại với ông bà một thời gian và trở lại khi mọi sự yên lặng lại. »

- Tôi đã đi thăm cha mẹ tôi rồi. Cha đáp.

Nhưng ông lại đề nghị : - Như vậy, sao ông không đi Rôma trong một thời gian?

Câu chuyện được chấm dứt khi Cha nói: - Được rồi. Tôi sẽ suy nghĩ đến việc đó.

(Tóm dịch theo 'THE MIRACLE OF HOPE')



Ngày 21.09.1991, Cha rời Việt Nam. Trong khi đang được điều trị bệnh tại Roma, Chính quyền nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố Cha không còn được trở lại Việt Nam (*persona non grata*).

Sau nhiều lần Tòa Thánh thương nghị với Việt Nam để Cha về lại Quê Hương, nhưng không kết quả. Ngày 09.04.1994, Đức Gioan Phaolô II bổ nhiệm Cha làm Phó Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình. Ngày 24.11.1994, Cha chính thức từ chức Tổng Giám mục phó Sài Gòn. Quyết định như vậy, Cha phó thác mình cho Chúa Quan Phòng để phục vụ tại Giáo Triều Rôma. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói với Cha : « Hiền huynh đến từ một quốc gia chiến tranh và hiền huynh đã bị giam cầm trong mười ba năm. Bây giờ, hiền huynh chia sẻ kinh nghiệm đó cho những người dân tại các quốc gia đang chịu đau khổ và bất công. Như vậy, chúng ta có thể thắng tiến Công lý và Hòa bình và giúp họ tìm hiểu những quyền của họ. »

Cha đã học hỏi những vấn đề của thế giới phức tạp về chính trị và công bằng xã hội từ hai Đức Hồng y Angelo Sodano, Quốc vụ khanh, và Roger Etchegaray, Chủ tịch Hội đồng này. Những vấn đề về nhân quyền, thương mại thế giới, toàn cầu hóa, các quốc gia đang phát triển và những hậu quả tiếp diễn do sự sụp đổ của Liên bang Xô viết và các chế độ Cộng sản tại Đông Âu. Cha rất thích những cuộc tiếp xúc với các Giám mục đến từ các quốc gia khắp Năm Châu.

Tiếp đến, ngày 24.06.1998, Cha được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng thay thế Đức Hồng y Roger Etchegaray.

Ngày 18.11.1998, Cha kêu gọi sự xóa giảm nợ cho các quốc gia Trung Mỹ châu bị tàn phá bởi cơn bão xoáy (cyclone) Mitch. Sau đó, Cha gửi lời cảm ơn những quốc gia giảm nợ theo lời Cha yêu cầu và, đồng thời, Cha cũng nhắc nhở lãnh đạo các quốc gia Trung Mỹ trách nhiệm của họ khi vay nợ ngoại quốc.

Ngày 22.09.1993, nhân rắc rối về việc bổ nhiệm Đức cha Nicôla Huỳnh Văn Nghi từ Phan Thiết về Sài Gòn làm Giám quản (tòa đầy), ông Trương Tấn Sang, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh, gửi thư cho Đức cha Phaolô Nguyễn Văn Bình, Tổng giám mục Sài Gòn, có nhắc đến việc bổ nhiệm Cha : « *Như cụ đã biết, năm 1975 Chính phủ ta đã không chấp nhận ông Nguyễn Văn Thuận về Giáo phận thành phố và dứt khoát sẽ không bao giờ chấp nhận, vì ông Nguyễn Văn Thuận đã từng gắn bó với một gia đình có nhiều nợ máu với nhân dân và bản thân ông Nguyễn Văn Thuận cũng có một quá trình lâu dài và tinh vi chống phá sự nghiệp giành độc lập và bảo vệ độc lập dân tộc* ».

Hay tin này, Cha xin về nước để được xét xử các tội 'Vâng Lệnh Bề Trên' và 'Cháu ông Diệm'. 'Người ta' không dám cho Cha về.

Mùa Chay Năm Thánh 2000, năm bắt đầu Thiên niên kỷ thứ III, Đức Gioan Phaolô II đã mời Cha Tĩnh tâm cho Giáo triều Rôma, Ngài nói: « Năm đầu tiên của Ngàn Năm thứ ba, một người Việt Nam sẽ giảng tuần Tĩnh tâm cho Giáo Triều Rôma ».

Trong Nhà Nguyện Mẹ Đấng Cứu Thế, từ chiều ngày 12 đến 18.03.2000, Cha đã giảng tĩnh tâm cho Đức Giáo hoàng và Giáo Triều Rôma và đã được Đức Giáo hoàng cảm ơn: « ...Tôi đã ước mong rằng trong năm Đại Toàn Xá này, cần có một chỗ đặc biệt được dành cho chứng tá của những người đã chịu 'đau khổ vì đức tin, đã trả bằng máu sự gắn bó của họ đối với Chúa Kitô và Giáo hội, hoặc can đảm chịu đựng những năm thật dài cảnh tù ngục và thiếu thốn đủ loại' (Tông sắc 'Mầu nhiệm nhập thể', số 13). Hiền Đức đã chia sẻ chứng tá đó một cách nồng nhiệt và đầy xúc động, chứng tỏ rằng, trong toàn thể cuộc sống con người, tình thương xót của Thiên Chúa, Đấng vượt trên mọi lý luận của loài người, tại những phần đất khác nhau trên thế giới, đang tiếp tục phải trả giá thật đắt cho chính niềm tin của mình nơi Chúa Kitô... ». Những bài giảng tĩnh tâm này đã được in thành sách 'Chứng Nhân Hy Vọng', phát hành hơn 12 thứ tiếng.

Ngày 19.03.2000, Lễ Thánh Giuse, ngày bế mạc cuộc tĩnh tâm cũng là ngày mà Giám mục kế vị Cha tại Giáo phận Nha Trang, Đức cha Nguyễn Văn Hòa, khánh thành một nhà thờ mới tại Cây Vong, nơi Cha bị tù trong giai đoạn đầu tiên.

X. HỒNG Y VIỆT TẠI GIÁO TRIỀU.

Ngày 21.01.2001, Đức Gioan Phaolô II công bố tuyển chọn Cha vào Hồng y đoàn. Cha được vinh thăng Hồng y, tước phẩm Phó tế, hiệu tòa Nhà thờ Santa Maria della Scala.

- *Tâm tình của Cha hướng về Giáo phận Sài Gòn*

Trọng kính Đức Tổng Giám Mục Tổng giáo phận Sài Gòn.

Kính thưa cha Tổng Đại diện, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh và toàn thể Dân

Chúa.

Trong ngày trọng đại được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô đệ nhị ban tước vị Hồng y và tiếp đó ngày 22.2 được cùng với các tân Hồng y đồng tế với Đức Thánh Cha cảm tạ Thiên Chúa, tôi được tin vui cho biết tại Tổng giáo phận nhà có tổ chức lễ tạ ơn tại nhà thờ Chánh tòa. Tôi rất cảm động, hiệp ý tạ ơn Chúa, cảm ơn Đức Tổng Gioan Baotixita, cha Tổng Đại diện đã có ý tổ chức lễ tạ ơn tốt đẹp này. Tôi cũng ghi ơn tất cả các anh em linh mục, tu sĩ, chủng sinh, đại diện các giáo xứ đã đến tham dự thánh lễ này, cách riêng những người đã cộng tác để làm cho cuộc lễ được tổ chức tốt đẹp. Tôi tin chắc lời cầu nguyện âm thầm, tha thiết của nhiều người mà bản thân tôi hèn mọn được Chúa thương xót gìn giữ đến ngày hôm nay.

Trong khung cảnh này, trước hết tôi tưởng nhớ đến Đức cố Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình với tất cả lòng quý mến. Ngày xưa, ngài đã từng tâm sự với tôi nhiều điều - vui có, buồn có, đau khổ có - nhiều nguyện vọng canh tân Tổng giáo phận nhà mà ngài không thực hiện được. Tôi còn nhớ có lần đứng trên sân thượng của Dòng Tên tại Hồng Kông, nhìn ra sân bay ngài than thở với tôi: đi với cha mấy ngày này, tôi sung sướng thoải mái, vì tôi quên được hay tôi không nhớ tôi là Tổng Giám Mục Sài Gòn. Vị mục tử nhân hiền ấy đã mang gánh nặng trách nhiệm với bao thao thức lo âu cho đến hơi thở cuối cùng. Giây phút này đây, trên Thiên đàng, ngài đang nhìn xuống tâm hồn chúng ta. Ngài biết rõ mỗi người và mong muốn chúng ta thực hiện những gì ngài chưa hoàn tất được.

Phần tôi, anh chị em biết tôi tài hèn sức mọn. Xin anh chị em thương xót giúp lời cầu nguyện cho tôi được tiếp tục phục vụ Giáo hội hoàn vũ, điều hành Bộ Công Lý và Hòa Bình. Trong những chuyến công du khắp các lục địa, tôi đã chứng kiến được bao nhiêu đau khổ, chết chóc, chiến tranh, bom đạn, bao nhiêu bất công, bệnh tật, nghèo đói. Và tôi nhìn thế giới đang biến chuyển với một tốc độ choáng váng. Nay tất cả chúng ta không thể tránh được điều đó, vì chúng ta đang bước vào kỷ nguyên của hoàn vũ hóa. Chủ nghĩa hưởng thụ với nhiều tiêu cực đang muốn ồ ạt đổ vào xã hội chúng ta. Chúng ta không thể nhắm mắt từ chối, nhưng phải chấp nhận điều ấy như là một thực tại và cùng nhau tìm sáng kiến, sáng suốt trả lời các thách đố và cùng nhau hiệp nhất để mãi mãi thực sự là ánh sáng, là muối đất, là men trong bột với tất cả thiện chí, lòng khiêm tốn và yêu thương.

Có câu ngạn ngữ phương Tây nói: "Tương lai đẹp hơn tất cả quá khứ". Chúng ta hãy tin tưởng nhìn về tương lai với tinh thần đoàn kết hiệp nhất, mọi khó khăn sẽ vượt qua, mọi thách đố sẽ giải quyết, và cùng với toàn dân xây dựng tương lai tốt đẹp. Đó là những nguyện vọng, những lời cầu xin tha thiết tôi dâng lên Thiên Chúa để cầu nguyện mỗi ngày cho Đức Tổng Giám Mục, cha Tổng Đại diện, toàn thể Tổng giáo phận Sài Gòn.

Xin chân thành cảm ơn mọi người và mỗi người. Xin Mẹ Maria là Nữ Vương Hòa Bình, hằng đứng ở quảng trường trước Vương cung Thánh đường, gìn giữ và đem lại an vui hạnh phúc và đạo đức cho tất cả xã hội chúng ta.

Roma ngày 20.2.2001 Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

- Tâm tình của Cha hướng về Giáo Hội Việt Nam

Trọng kính Đức Hồng Y Chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam

Kính thưa các Đức Tổng Giám mục và Giám mục, các linh mục, tu sĩ, chủng sinh và giáo dân quốc nội và quốc ngoại.

Trong ngày trọng đại được phong tước hiệu Hồng y và đồng tế với Đức Thánh Cha trong thánh lễ tạ ơn 21 và 22.2.2001, con rất cảm động hướng về Giáo hội mẹ Việt Nam và quê hương Việt Nam yêu quý.

Con cảm tạ tất cả các đẳng bậc và toàn thể dân Chúa đã hiệp ý cầu nguyện, tạ ơn Chúa thương xót đến phận hèn của con cho con được phục vụ giáo hội hoàn vũ bên cạnh Đức Thánh Cha.

Mặc dù vạn dặm xa xăm, lòng con không ngừng gắn bó với Giáo hội và quê hương. Con hằng tâm niệm rằng nếu mọi người chúng ta sống theo sứ điệp 10 điểm mà Chúa quan phòng đã trao cho Đức Mẹ La Vang ban đến cho ông bà chúng ta trên 200 năm trước đây, thì từ bắc chí nam mọi người sẽ đồng tâm nhất trí như anh em một nhà cùng nhau xây dựng một quê hương giàu mạnh trong yêu thương và đoàn kết.

Sứ điệp ấy gồm 10 điểm. Năm điểm thánh hóa bản thân, năm điểm phục vụ Giáo hội, yêu mến Tổ quốc và phục vụ xã hội.

Một là bí quyết cầu nguyện; hai là tinh thần ầu thơ; ba là mầu nhiệm Thánh giá; bốn là phó thác cho Mẹ; năm là phục vụ người nghèo, sáu là xây dựng Hội thánh; bảy là thánh hóa gia đình, bảo vệ tổ quốc; tám là đoàn kết, hiệp nhất; chín là loan báo Tin Mừng; và mười là chứng nhân hy vọng.

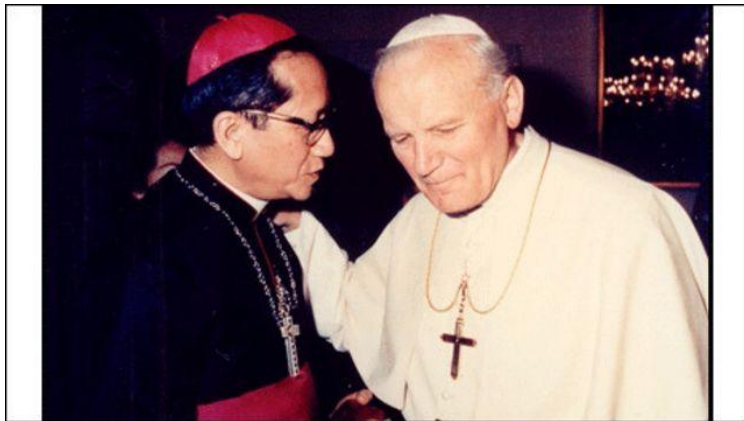
Mỗi ngày con hướng về Đức Mẹ La Vang và sốt sắng cầu nguyện cho Giáo hội và dân tộc với lời kinh mà ông bà ta đã đọc ngày xưa:

Lạy ơn Đức Mẹ La Vang
Xin nghe con mọn thở than mấy lời
Mẹ là Mẹ thật Chúa Trời
Mà Mẹ cũng thật mẹ loài người ta
Cúi xin xuống phước hà sa
Đoái xem con cái thiết tha khẩn cầu
Này con quỳ gối cúi đầu
Trước bàn thờ Mẹ, xiết bao ước nguyện
Cho con một dạ kính tin
Kính thờ một Chúa hết tình thảo ngay
Rày con dâng tấm lòng này
Một niềm mến Mẹ từ này về sau
Lòng con rày chỉ ước ao
Chết trong tay Mẹ, phước nào lớn hơn
Lạy xin Đức Mẹ xuống ơn
Giữ gìn cha mẹ nhà con yên hàn
Xin cho nước trị dân an
Nơi nơi nghe tiếng Phúc âm giảng truyền
Những người nghèo khổ tật nguyền
Cầu liền đặng đã, xin liền đặng vui.
Dập dìu kẻ tới người lui
Trong Nam ngoài Bắc mọi người giáo lương
Nay con từ biệt thánh đường
Thân tuy cách đó, dạ thường đến đây

Chốn này, ngày này, hội này
Lòng này ghi tạc dăm sai đá vàng
Lậy ơn Đức Mẹ La Vang
Xin nghe con mọn thở than mấy lời

Với tâm hồn tràn ngập tin tưởng ở tương lai, với lòng tín thác vô bờ bến vào Đức Mẹ La Vang và các Thánh Tử đạo Việt Nam, con xin trân trọng kính chào, cảm ơn các đấng các bậc và toàn thể Cộng đồng Dân Chúa quốc nội và quốc ngoại.
Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận

Báo 'L'Osservatore Romano', Cơ quan ngôn luận Tòa Thánh, ngày 22.02.2001, đã đăng hình Đức Thánh Cha đang ôm hôn Cha rất trịnh trọng. Và trong Tiểu sử Cha được viết dài nhất, từ tổ tiên Cha bị bách hại vì Đạo Chúa năm 1698 cho đến bản thân Cha bị cộng sản giam 13 năm tù ngục và hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình trong Giáo triều Vatican.



Nhân dịp loan tin Tòa Thánh Vatican tấn phong 44 Tân Hồng Y, nhiều nhật báo lớn và rất uy tín với hàng triệu độc giả đã đặc biệt quan tâm đến Cha, Tân Hồng y Việt Nam là Đức Hồng Y Phanxicô Xavie Nguyễn Văn Thuận như L'Osservatore Romano, The Washington Post, The New York Times, The Los Angeles Times và The New York Post. - Nhật báo L'Osservatore Romano, cơ quan ngôn luận chính thức của Tòa Thánh, số phát hành ngày thứ tư 22 tháng 2, 2001, đã đăng hình lớn Đức Thánh Cha đang ôm hôn Tân Hồng Y Việt Nam ngay trang nhất chiếm 4 cột báo rất trịnh trọng. Và trong tiết mục lược tóm tiểu sử 44 Tân Hồng Y, Ngài là người thứ hai chỉ đứng sau Tân Hồng Y Giovanni Battista Re, Bộ Trưởng Thánh Bộ Giám Mục. Và tiểu sử đức Tân Hồng Y Nguyễn Văn Thuận được viết dài nhất chiếm hẳn 3 cột báo, khởi đầu từ tổ tiên Ngài bị bách hại vì Đạo Chúa từ năm 1698. Cụ tổ của dòng họ làm sứ thần nhà vua triều Nguyễn tại Trung Hoa, sau này trở lại công giáo, bị trục xuất khỏi triều đình và tài sản bị tịch thu hoàn toàn cho đến bản thân Đức Tân Hồng y bị cộng sản giam 13 năm tù ngục và hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình trong Giáo triều Vatican.

Báo 'The Washington Post' và 'The New York Times', ngày 22.02.2001, đã chú ý Cha là vị Tân Hồng y duy nhất được Đức Thánh Cha trực tiếp đội mũ đỏ, trong khi 43 vị kia sau khi nhận mũ thì tự mình đội lên đầu. Phải

chăng hành vi này chứng tỏ lòng ưu ái đặc biệt của Đức Giáo Hoàng với Cha và gián tiếp với Dân tộc chúng ta.

Báo 'The Los Angeles Times', ngày 21.08.2001, trong bài nhan đề 'The Men Who Would Be Pope? » (Người có thể là Giáo Hoàng?) đã dự đoán 14 vị Hồng y có nhiều khả năng kế vị Đức Gioan Phaolô II. Bài báo chia 14 Vị này thành nhiều khuynh hướng khác nhau theo ý kiến chủ quan của tác giả. Đặc biệt, theo tác giả, Cha có rất nhiều khả năng được bầu đó. Đây là dự đoán, tuy cho thấy Cha có một uy tín lớn lao trên thế giới... Ai biết được Thánh Ý Thiên Chúa an bài thật huyền nhiệm : Ngày 16.09.2002, Thiên Chúa gọi Cha về Thiên Đàng.

Hiện diện có Quý Đức cha Phạm Minh Mẫn, Nguyễn Như Thể, Nguyễn Văn Sang, Nguyễn Văn Yển và Trần Xuân Hạp, các linh mục và nữ tu Việt đang phục vụ tại Rôma, các phái đoàn linh mục, tu sĩ nam nữ và trên một ngàn giáo dân Việt đến từ Hoa Kỳ, Úc và các nước Âu Châu.

Thông tấn xã Reuters cho biết: 'Với nghi lễ tấn phong 44 Tân Hồng y thuộc 27 quốc gia, gồm đủ 5 lục địa, là lần có nhiều tân Hồng y nhất. Tờ *The Guardian* đánh giá việc giam tù và quản chế Cha đã khiến Cha trở thành một dạng anh hùng không chỉ ở Việt Nam mà còn trên thế giới. Chính những năm tháng này cũng đủ kiến vị Hồng y tương lai lọt vào danh sách ứng viên tiềm năng kế vị Giáo hoàng.

XI. SỰ HÌNH THÀNH 'TÓM LƯỢC HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO'.

Đáp ứng nguyện vọng của các Đức Giám mục tham dự Thượng hội đồng Giám mục Mỹ châu năm 1997, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã yêu cầu Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình thực hiện một 'Toát yếu về Học thuyết Xã hội Giáo Hội'.

Đầu năm 1999, Đức Gioan Phaolô II đề nghị Cha viết 'Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo'.

Như vậy, vị Mục Tử Việt Nam đã chịu nhiều bất công (13 năm tù không bản án, công dân mang hộ chiếu Việt Nam bị cấm trở về Quê hương) nay giữ nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình.

Với trách vụ đó, tại Vatican City, ngày 01.05.2000, Lễ kính Thánh Giuse Thợ, Cha đã ký ban hành 'SƯU TẬP NHỮNG BẢN VĂN CỦA HUẤN QUYỀN VỀ HỌC THUYẾT XÃ HỘI CÔNG GIÁO'. Trong bản Sư Tập này, Cha đã thu thập từ các văn kiện đang có trong kho tàng Giáo huấn về xã hội và viết thành 11 chương về các đề tài: Bản chất Học thuyết Xã hội Công giáo, Con Người, Gia Đình, Trật tự Xã hội, Vai trò Nhà Nước, Kinh tế, Lao Động và Tiền Lương, Sự Nghèo đói và Đức Bác ái, Môi trường, Cộng Đồng Quốc

tế và Chương Kết. Văn kiện này được dùng làm căn bản cho việc hoàn thành 'Toát yếu về Học thuyết Xã hội Giáo Hội'.

Cha tiếp tục viết 'Tóm Lược Học Thuyết Xã Hội của Giáo Hội Công Giáo'. Nhưng tình trạng sức khỏe Cha không cho phép như Đức Hồng Y Renato Raffaele Martino, đã viết trong 'Lời Giới Thiệu':

« Vị tiền nhiệm của tôi, Đức cố Hồng y đáng tiếc và khả kính Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận, với sự khôn ngoan, sự kiên quyết và tầm nhìn xa trông rộng, đã thực hiện phần chuẩn bị phức tạp của tài liệu này. Chứng bệnh hiểm nghèo đã không cho Ngài cơ hội hoàn thành phần kết thúc và xuất bản. Công việc trên đã được giao phó cho tôi và hôm nay dành cho tất cả những ai đọc quyển sách này, vì thế công trình này mang dấu ấn vị Chứng nhân vĩ đại của Thập Giá, Người đã có niềm tin mãnh liệt trong những năm gian khổ của đất nước Việt Nam. Vị Chứng nhân này sẽ thấu hiểu lòng biết ơn của chúng ta đối với sự lao động quý báu, tràn ngập bởi tình yêu và sự tận tụy của ngài, và ngài sẽ chúc lành cho những ai biết dừng lại để suy tư khi đọc những trang sách này”.



Là Mục Tử Giáo hội Hoàn vũ, với tư cách Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, là Chứng nhân Hy vọng với 13 năm tù không lời buộc tội, không một bản án, Cha đã lê gót trên khắp năm châu. Cha đã diễn thuyết tại Nhà thờ Chính tòa Notre-Dame (Paris) và đã giảng tại một Nhà Kho Chứa Hàng cạnh sân bay Lyon. Tại Mỹ Tây Cơ, Cha đã giảng tuần tĩnh tâm quốc tế tại Thành phố kỹ nghệ Monterrey hai lần: lần đầu với sự tham dự của 91 Đức cha mục và 1500 Linh mục. Lần sau, 80 giám mục và gần 1000 linh mục, đến từ các nước Châu Mỹ Latinh và các nước Phi châu. Năm nay 2022, để có ý viết, con đã tìm thấy quyển 'Niềm vui Sống đạo' ghi lại những bài chia sẻ của Cha với các bạn trẻ Công giáo Việt sống tại Âu Châu, do Trung tâm Nguyễn-Trường-Tộ tổ chức, ngày 12.09.1998, tại nguyện đường Dòng Truyền Giáo Đức Mẹ Vô Nhiễm (OMI), Strasbourg và bế mạc ngày 13.09.1998, tại Thánh đường Colmar.

Sáng ngày 12.09.1998, tại nguyện đường OMI để mở đầu hai ngày gặp gỡ, Cha đã chia sẻ với chúng con đề tài 'Tại sao tôi chọn Chúa ?' Chúa Giêsu là Thiên Chúa tốt lành vô cùng, đáng yêu quý vô cùng. Nhưng đối với bản thân tôi, tôi đã bị Ngài lôi cuốn theo Ngài suốt đời, vì tôi yêu các khuyết điểm của Ngài.

Các bạn trẻ Việt Nam thân mến,

Chúa đã đi bước trước để chọn tôi làm con Ngài: 70 tuổi làm Kitô hữu, 45 năm làm Linh mục và 31 năm làm Giám mục. Suốt quãng đời đó, có những lúc thăng trầm, nhưng tôi luôn tràn đầy hạnh phúc vì Chúa đã luôn hiện diện trong cuộc sống 'nam chìm bảy nổi' của tôi. Trong dịp Đại hội Truyền giáo tại St. Pierre-Les-Lacs, Giáo phận Auch, miền Tây-Nam nước Pháp, người ta mời tôi đến chia sẻ niềm tin trong cuộc sống Kitô giáo. Câu hỏi họ đặt ra cho tôi là 'tại sao tôi lại chọn Chúa Giêsu ?'. Tại sao tôi dâng hiến đời tôi cho Ngài, tôi đã trả lời: « *Tôi đã chọn Chúa Giêsu, vì tôi yêu các khuyết điểm của Chúa Giêsu* ».

Mới nghe đầu đề như vậy, chắc các bạn e ngại, và còn khó chịu nữa; bây giờ tôi chia sẻ cảm nghiệm đó của tôi, để các bạn có dịp đối chiếu lại với kinh nghiệm sống đạo của các bạn.

1 - Chúa Giêsu kém trí nhớ!

Lúc sắp trút hơi thở, Chúa Giêsu có cuộc đối thoại cuối cùng với hai người gian phi cùng bị treo trên thập giá cạnh Ngài. Một trong hai người đó thốt lên lời này với Chúa Giêsu: « Ông Giêsu ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi ». Và Chúa nói với anh ấy: « Tôi bảo thật với anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên đàng » (Lc. 23, 42-43).

Chúa Giêsu không sơ tra lại lý lịch người đó để nhớ xem hắn gian ác đến mức độ nào, không cân nhắc tội nặng, nhẹ để châm chước hay tạm ra hình phạt thế nào đó cho thích đáng. Người gian phi kêu nài Ngài nhớ, thì Ngài 'nhớ' một điều là thấy người ấy trước mắt, còn tất cả mọi điều gian ác trước đó Ngài đã quên hết, quên đến độ ngay hôm đó hứa ngay Nước Thiên đàng cho anh ta. Các thánh nói: tên này suốt đời ăn trộm, đến lúc chết nó ăn trộm nước thiên đàng luôn!

Trong Phúc âm chúng ta gặp lại nhiều chứng tích về việc Chúa Giêsu kém trí nhớ như thế. Nhưng qua chuyện ngụ ngôn người cha nhân hậu, sự kiện đó rõ ràng. Thánh sử Luca kể rằng người con út trong hai con của cha già đã lấy hết phần gia tài của nó, để bỏ nhà ra đi sống đời phóng đảng, quên cha, quên anh. Đến khi tiêu hết tiền, gặp năm đói, thì quay trở về nhà, xin khai thú tội lỗi mong cha già xét tình cha con mà tha thứ...

Người cha (là hình ảnh Chúa Giêsu), không kể đến tội cũ, chỉ trông ngóng chờ con; thấy con đang xa, thì chạy ra đón. Con có thú tội, thì cũng không cố nghe để hạch hỏi tội cũ mà ra lệnh cho tội tở: lấy áo đẹp, giày tốt,

nhấn quý mang lại cho cậu, làm thịt con bê béo dọn tiệc vì con ta chết mà nay nó sống lại.

'Anh ta còn ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để. Bấy giờ người con thưa rằng: « Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với Cha, con chẳng đáng gọi là con cha nữa... ». Nhưng người cha liền bảo người giúp việc rằng: « Mau đem áo đẹp nhất ra đây mặc cho cậu, xỏ nhẫn vào ngón tay, xỏ dép vào chân cậu, rồi đi bắt con dê đã vỗ béo làm thịt để chúng ta mở tiệc ăn mừng!... » (Lc. 15, 20-23).

Chúng ta thấy ở đây trí nhớ của Chúa Giêsu dường như không còn làm việc nữa! Ngài quên vô điều kiện, quên tức khắc tất cả quá khứ không hay không tốt của ta, mỗi khi chúng ta quay trở về. Ngài chỉ nhớ mỗi người là con Cha Ngài, nên khi ta quay lại gặp Ngài, thì tức khắc ta lại được mặc áo vinh hiển sự sống của Thiên Chúa.

{Rất tiếc, con không đủ khả năng diễn tả sự chọc cười của Cha đi đôi với lời giảng. Để nói về 'Chúa Giêsu kém trí nhớ', Cha kể chuyện một nữ giáo dân đến khoe với Cha sở Chúa hiện ra nói chuyện với bà. Linh mục này nhờ bà, nếu Chúa có hiện lại, bà hỏi 'Cha sở phạm tội gì?'. Hôm sau, bà trở lại gặp Ngài. Cha sở hỏi 'Chúa có hiện ra không?' Ngài bắt đầu lo lắng sợ bà biết các tội của Ngài. Bà kia trả lời 'Thưa có'. Ngài lo lắng hơn vì sợ Chúa nói tội của Ngài. Bà trả lời 'Chúa nói Chúa quên hết'. Ngài mừng.}

2 – Chúa Giêsu không biết làm toán

Trong dụ ngôn con chiên bị mất (xem Mt. 18, 12-14; Lc. 15, 4-7), chúng ta thấy lối cư xử của Chúa Giêsu tỏ ra không biết tính toán. Một kẻ có 100 con chiên ở giữa đồng trống mà mất một con, hẳn phải tính toán xem làm sao một con đi lạc lại hơn 99 con còn lại. Không những Chúa Giêsu cho rằng 1 con đi mất cũng bằng 99 con còn lại, mà còn đi xa hơn nữa: Ngài bỏ 99 con còn lại đấy để đi tìm cho kỳ được con chiên bị mất. Một mà hơn 99, hẳn Chúa Giêsu không biết làm toán!

Trong chương trình rao giảng của Ngài, không phải số lượng quần chúng đông đảo mà Chúa Giêsu tìm kiếm, nhưng là những con người; và Ngài đã không tiếc thì giờ để trao đổi với từng người, giảng dạy cho một người như chúng ta từng thấy trong cuộc đối thoại với người phụ nữ Samari trên bờ giếng Gia-cóp (xem Gioan 4, 1-42).

3 - Chúa Giêsu không sành luận lý

Chúa Giêsu không những không cân nhắc tính toán trên số lượng, mà có lúc lời của Ngài đi ngược lại sự khôn ngoan bình thường của con người. Khi nào ông đãi khách ăn trưa hay ăn tối, thì đừng kêu bạn bè, anh em hay bà con, hoặc láng giềng giàu có, kéo họ cũng mời lại ông, và như thế ông được đáp lễ rồi. Trái lại, khi ông đãi tiệc, hãy mời những người nghèo

khó, tàn tật, què quặt, đui mù. Họ không có gì để đáp lễ, và như thế, ông mới thật có phúc... (Lc. 14, 12-14).

Trong dụ ngôn về đồng bạc bị mất (xem Lc. 15, 8-10), người phụ nữ có 10 đồng, nhưng trong đêm lỡ đánh mất 1 đồng: 'bà thắp đèn, quét nhà, moi móc tìm cho bằng được'. - Khi tìm được, thì bất chấp giờ giấc nghỉ ngơi ban đêm của hàng xóm, bạn bè, mời họ phải đến chung vui với mình. Chúa Giêsu ví mình như người phụ nữ tìm đồng bạc bị mất trong đêm; không cần suy tính, luận lý là đừng đình ngày mai sẽ tìm, dù sao thì cũng còn 9 đồng khác trong tay; nồn nóng đem nguồn vui của mình cho người chung quanh không ngại sự nghỉ ngơi trong đêm vắng. Chẳng qua vì Chúa là yêu thương, mà yêu thương của Thiên Chúa cao hơn lý luận con của người.

'Giữa triều thần Thiên Chúa, ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối' (Lc. 15, 10).

4 – Chúa Giêsu không biết kinh tế tài chánh

Chúa Giêsu đến để loan báo Nước Trời ở gần con người, gần cuộc sống của họ. Thế mà khi giới thiệu Nước Trời với các môn đệ và với người nghe Ngài nói, Ngài lấy dụ ngôn về Nước Trời như người chủ vườn nho thuê thợ làm cho mình trong một ngày (xem Mt. 20, 1-16). Người chủ từ tảng sáng đã mướn thợ làm; rồi đến giờ thứ 3, giờ thứ 6, giờ 11, mỗi giờ người ấy đều đi tìm mướn thêm thợ (giờ 11 trong lối nói của người Do Thái thời của Chúa Giêsu tức là buổi cận chiều tối rồi).

Chiều tối đó, ông chủ, là hình ảnh Chúa Giêsu, bảo người quản lý kêu thợ lại và trả cho mỗi người 1 quan tiền như nhau. Những kẻ làm nhiều giờ trong ngày bức tức vì thấy ông chủ này không biết gì về kinh tế, tài chánh cả, hơn nữa còn bất chấp lối tính toán và sự công bình thông thường: « Này bạn, tôi đâu có xử bất công với bạn. Bạn đã chẳng thoả thuận với tôi là 1 quan tiền sao?... Hay vì thấy tôi tốt bụng, mà bạn đăm ghen tức? Thế là những kẻ đứng chót sẽ được lên hàng đầu, còn những kẻ đứng đầu sẽ phải xuống hàng chót..." (Mt. 20, 13-16).

5 - Chúa Giêsu làm bạn với kẻ tội lỗi

Không phải trong xã hội của người Do Thái vào thời Chúa Giêsu còn tại thế, mà ngay giữa xã hội chúng ta, người ta khó lòng chấp nhận chuyện người 'đàng hoàng' lại giao du với lớp người được đánh giá là không 'đàng hoàng'.

Thời bấy giờ người đồng hương với Chúa Giêsu cho rằng hai giới đặc biệt không 'đàng hoàng' là những quân thu thuế và người tội lỗi, đặc biệt là các gái điếm. Người tội lỗi bấy giờ còn được xem là những kẻ không lành mạnh về cuộc sống thân xác, như người phung cùi, tàn tật... Những người

Pha-ri-siêu nhiều lần thắc mắc về thái độ sống của Chúa Giêsu và nhắc nhở với các môn đệ Chúa:

‘Sao Thầy của các anh lại ăn uống với bọn thu thuế và quân tội lỗi như vậy?’ (Mt. 9, 11). ‘Ông này đón tiếp phường tội lỗi và ăn uống với chúng’ (Lc. 15, 2).

Theo các sách Phúc âm ghi lại, thì không những Chúa Giêsu chỉ gặp gỡ, chào hỏi, hay bắt đắ dĩ được mời ăn thì ngại lắm phải chiều người ta, mà thực sự Ngài tự tìm tới nhà người thu thuế, và kẻ tội lỗi, làm thân với họ và ăn ở với họ.

Ông Da-kêu là người ‘đứng đầu những người thu thuế’ (Lc. 19, 2); khi biết Chúa Giêsu đi qua thành phố Giê-ri-cô, ông ấy sợ không chen lẫn nổi với đông đảo dân chúng, nên chạy ra hàng trước, trèo lên cây sung để xem Ngài, chẳng qua vì ông rất lùn. Chúa Giêsu đi qua, nhìn lên cây ấy thấy ông và nói ngay: « Này ông Da-kêu, xuống mau đi, vì hôm nay tôi phải ở lại nhà ông! » (Lc. 19, 5).

Người chung quanh xào xáo: ‘Nhà người tội lỗi mà ông ấy cũng vào trọ’ (Lc. 19, 7).

Chúa Giêsu tự đến để gặp gỡ Da-kêu và loan Tin Mừng: « Hôm nay, ơn cứu độ đã đến cho nhà này » (Lc. 19, 9).

Chúng ta đều biết Chúa đã chọn 1 trong 12 vị tông đồ của Ngài là Mathêu, trước đó có tên là Lê-vi một người làm nghề thu thuế. Và để giải thích thái độ ngược đời của mình, chính Chúa Giêsu đã nói rõ sứ mệnh của Ngài : « Người khoẻ mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần ». Hãy về học cho biết ý nghĩa câu này: Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế. Vì tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi (Mt. 9, 12-13).

6 – Chúa Giêsu thích ăn uống, tiệc tùng.

Phúc âm cũng cho chúng ta thấy sự kiện mỗi lần đến nhà nào, gặp ai, đặc biệt là những người được xã hội xếp loại không ‘đàng hoàng’, Chúa Giêsu lại thường ăn uống. Ngài mở đầu sứ mạng rao giảng công khai bằng việc dự tiệc cưới Cana miền Galilê (Gioan 2, 1), kết thúc cuộc gặp gỡ chung với các tông đồ trước khi đi vào cuộc khổ nạn bằng bữa tiệc ở Giêrusalem gọi là Tiệc Ly (Mt. 26, 17 và tiếp theo).

Thế nhưng lịch sử nhiều tôn giáo và tâm thức nhiều nền văn hoá không phải đã cho chúng ta thấy rằng nói đến thần thánh, đạo đức, tôn giáo thì hẳn phải nói đến ăn chay cầu nguyện hay sao!

Luca thuật lại rằng, sau bữa tiệc lớn tại nhà Lê-vi (tức thánh Mathêu sau này) những người Pha-ri-siêu và những người thông luật nói với Chúa

Giêsu: « Môn đệ ông Gioan năng ăn chay cầu nguyện, môn đệ người Pha-ri-siêu cũng thế, còn môn đệ ông thì ăn với uống » (Lc. 6, 33). Chúa Giêsu đã dùng những bữa ăn để cứu người tội lỗi như Mađalêna, Da-kêu... Cái mới của Chúa Giêsu làm cho người Pha-ri-siêu và cả chúng ta khó hiểu đó là tất cả sứ điệp của Ngài, không còn phải là ăn chay hay ăn tiệc, nhưng tiên quyết là Yêu thương phát xuất từ tận đáy lòng mình. Như thánh Augustinô sau này tóm tắt trong câu: 'Hãy yêu rồi làm gì thì làm' (Ama et fac quod vis).

7 – Chúa Giêsu không giữ luật Do thái

Không những lui tới bạn bè, với kẻ tội lỗi, lại còn hay dự tiệc với họ, Chúa Giêsu không giữ luật lệ của cộng đồng người Do Thái đương thời. Ngài bắt chấp luật phải rửa tay trước bữa ăn, đi thẳng vào bàn tiệc nên 'ông Pha-ri-siêu lấy làm lạ vì lúc đầu Ngài không rửa tay trước bữa ăn' (Lc. 11, 38). Đặc biệt trong những ngày sa-bát, Ngài hay chữa lành bệnh tật cho người ta, và điều đó đối với người Do Thái đương thời cho là phạm luật. Phúc âm ghi lại nhiều sự kiện như thế, như việc chữa lành người bại tay (Lc. 6, 8-11), chữa người mắc bệnh phù thủng (Lc. 14, 1-6), chữa lành một phụ nữ còng lưng (Lc. 13, 14)... Thánh sử Luca ghi rõ: "Ông trưởng hội đường ức tối vì Đức Giêsu đã chữa lành bệnh vào ngày sa-bát (Lc. 13, 14). Ngài không giữ luật, và các môn đệ theo Ngài cũng không giữ luật: Vào ngày sa-bát, Đức Giêsu đi bằng qua một cánh đồng lúa; các môn đệ đưa tay bứt lúa ăn. Nhưng có mấy người Pha-ri-siêu nói: "Tại sao các ông làm điều không được phép làm trong ngày sa-bát" (Lc. 6, 1-2).

Nhưng trước những lời chỉ trích này, Chúa Giêsu trả lời: "Con người làm chủ ngày sa-bát" (Lc. 6, 9). Chúa Giêsu đến để làm trọn lề luật, để ban luật mới là luật yêu thương, là luật có chiều kích nội tâm, để xoá bỏ những lỗi giải thích lề luật rắc rối bên ngoài: "Khốn cho các người giả hình, như má tô vôi, bên ngoài trắng trẻo mà bên trong thối tha" (Mt. 23, 13-36).

8 - Chúa Giêsu như điên cuồng

Trong Toà Tổng trấn Phi-la-tô, lúc chịu xử án, Chúa Giêsu bị lính của Tổng trấn cho choàng áo đỏ, đội vương niệm bằng gai để chế nhạo như là kẻ điên cuồng. Nhưng không phải chỉ người ngoài, mà ngay cả Phê-rô, người vừa được Chúa Giêsu cử sẽ làm đầu Hội thánh Ngài: "Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Hội thánh của Thầy, và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi..." (Mt. 16, 18), người được Chúa tin yêu như thế cũng không chịu nổi những lời nói như điên dại của Chúa Giêsu: "Người phải đi Giê-ru-sa-lem, phải chịu nhiều đau khổ do các kỳ mục, các thượng tế và kinh sư gây ra, rồi bị giết chết, và ngày thứ ba sẽ sống lại" (Mt. 16, 21). Điên dại vì gọi môn đệ theo mình, đồng thời thông báo mình phải chịu khổ đau, bị giết chết; và xem ra điên dại hơn nữa khi bảo rằng chết sau ba ngày sẽ sống lại! Và suốt cả các cuốn Phúc âm trang nào cũng làm cho chúng ta ngạc nhiên về thái độ và lời nói khác lạ của Ngài: "Hãy yêu kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyền

rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em. Ai vả anh má bên này, thì hãy giơ cả má bên kia nữa. Ai đoạt áo ngoài của anh, thì cũng đừng cản nó lấy áo trong. Ai xin thì hãy cho, ai lấy cái gì của anh, thì đừng đòi lại... (Lc. 6, 27-31).

Nói như thế, làm sao có thể nghe cho được, khi tâm tư ta còn sống trong tâm trạng "mắt đền mắt, răng đền răng"!

Và tôi xin kể cho các bạn kinh nghiệm của tôi về sứ điệp "điên dại" này của Chúa Giêsu. Lúc tôi sống những năm tháng tù đầy tại quê nhà, có lúc những người canh tù tâm sự cho tôi hay, họ thắc mắc và ngạc nhiên về thái độ vui cười, thân thiện của tôi đối với họ: trong hoàn cảnh này làm sao có thể thanh thản và dung thứ như thế được! Tôi đã có dịp chia sẻ các kinh nghiệm đó trong cuốn sách "Năm chiếc bánh, và hai con cá", tôi vừa cho phổ biến trong năm này. Nhưng ở đây tôi muốn nói, chính sự "điên dại" của tình yêu thương Thiên Chúa đối với tôi, đối với mọi người là "khuyết điểm" làm tôi say mê hơn cả; sự điên dại đó lôi kéo tôi bước theo Chúa Giêsu!

9 – Chúa Giêsu phiêu lưu

Một chương trình cứu chuộc toàn nhân loại, một dự tính gửi người đi rao truyền Phúc âm cho mọi dân nước, mọi thế hệ, thế mà lại chọn và đặt hết tín nhiệm, quyền hành cho Phê-rô, một người chài lưới bộp chộp, ít học rồi còn sợ sệt chối mình nữa!

Và về phương cách truyền bá, rao giảng nước Thiên Chúa, thì Chúa Giêsu lại dạy các môn đệ: "Anh em đừng mang gì đi đường, đừng mang gậy, bao bị, lương thực, tiền bạc, cũng đừng có hai áo" (Lc. 9, 3).

Phiêu lưu trong việc tuyển lựa các môn đệ, Chúa Giêsu còn bị ngay các môn đệ Ngài nghi ngờ là quá phiêu lưu. Khi Chúa Giêsu loan báo chương trình Ngài sẽ bị bắt nạt, bị giết chết và sẽ sống lại trong ngày thứ ba, thì "Các môn đệ buồn phiền lắm" (Mt. 17, 23). Khi Chúa nói với họ: "Nếu các ông không ăn thịt và uống máu Con người, các ông không có sự sống nơi mình" (Gioan 6, 53), thì "nhiều môn đệ của Ngài liền nói: "Lời này chướng ta quá! Ai mà nghe nổi" (Gioan 6, 60). Và, vì thấy lời giảng dạy của Chúa Giêsu khó nghe và phiêu lưu quá, nhiều môn đệ rút lui. Nên Chúa quay hỏi nhóm 12 tông đồ "Cả anh em nữa, anh em cũng bỏ đi sao?" (Gioan 6, 67).

Có lần khác, có người lại muốn đi theo Ngài làm môn đệ, nên hỏi: "Thưa Thầy, Thầy đi đâu, tôi cũng xin đi theo". Người trả lời: "Con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng con người không có chỗ tựa đầu (Lc. 9, 58).

Và cuộc phiêu lưu tột đỉnh của Yêu thương nơi Chúa Giêsu được diễn tả cô đọng nơi bài ca trong thư của Thánh Phaolô gửi giáo đoàn Phi-líp-phê: "Đức Giêsu Kitô

Vốn dĩ là Thiên Chúa
mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì
địa vị ngang hàng với Thiên Chúa,
nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang
mặc lấy thân phận nô lệ,
trở nên giống phàm nhân
sống như người trần thế
Người lại còn hạ mình,
vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết,
chết trên cây thập tự (Phl. 2, 6-8).

10 - Chúa Giêsu có những lời giảng dạy xem ra mâu thuẫn

Mâu thuẫn vì Lời từ Thiên Chúa khác với lời chúng ta.
Làm sao chúng ta thấy hợp lý được khi tuyên dương Phúc cho kẻ nghèo,
kẻ phải đói, kẻ phải khóc, kẻ bị người ta oán ghét (xem Lc. 6, 20-22).
"Ai muốn cứu mạng sống mình, thì phải mất; còn ai liều mất mạng sống
mình vì tôi, thì sẽ cứu được mạng sống ấy" (Lc. 9, 24).

Làm sao có thể ví Nước Thiên Chúa, Nước của Đấng toàn năng, vô tận với
một hạt cải (xem Lc. 13, 18-19).

Mà làm sao có thể tuyên xưng là "Con Thiên Chúa, Đấng hằng sống" lại
phải chấp nhận sự chết và chết nhục nhằn trên Thập giá (xem Lc. 23, 70).
Ngày 12.10.1998, có một cuộc tĩnh tâm linh mục quốc tế, tại thành phố
Monterrey, nước Mexico: 91 giám mục, 1,500 linh mục tham dự. Lúc tôi
vừa nói: Tôi yêu các khuyết điểm của Chúa Giêsu, các ngài nhìn nhau với
vẻ ngạc nhiên, bở ngỡ! Nhưng nói đến đâu các ngài lại cười đến đó, cuối
bài các ngài xúm lại quanh tôi và bảo: "Chúng tôi cũng yêu các khuyết
điểm của Chúa Giêsu".

XI. CHÚA GỌI CHA RA KHỎI THỂ GIAN.

Lúc 18 giờ, ngày 16.09.2002, Cha đã được Thiên Chúa gọi ra khỏi thể
gian. Ngay khi hay tin Cha qua đời, Đức cha Giampaolo Crepaldi, Tổng
Thư ký Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, đã tuyên bố với báo chí:
« Một vị Thánh vừa qua đời. »

Chiều ngày 20.09.2002, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II từ Castel
Gandolfo đã trở về Vatican, để chủ sự Thánh Lễ An táng Cha với Giáo Triều
và 172 phái đoàn ngoại giao cạnh Tòa Thánh đã tiễn biệt trong một Thánh
Lễ trọng thể:

Nhân dịp này, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã ngỏ lời :

« Chắc hẳn sự khuất bóng của ngài gây đau buồn cho những ai đã quen
biết và yêu mến ngài: gia đình ngài, cách riêng mẹ ngài, tôi lại bày tỏ cho
bà sự gần gũi yêu thương của tôi. Tôi cũng nghĩ tới Giáo hội Việt nam yêu

quí, Giáo Hội đã sinh ngài trong đức tin, và tôi cũng nghĩ tới toàn thể dân Việt Nam mà Đức Hồng y đáng kính đã công khai nhắc tới trong chúc thư thiêng liêng của ngài bằng cách khẳng định luôn luôn yêu mến. Tòa Thánh mà ngài đã phục vụ qua những năm cuối đời ngài, than khóc Hồng y Nguyễn Văn Thuận.

Trong 13 năm ngục tù, Ngài đã hiểu nền tảng của đời sống Kitô hữu là 'chọn một mình Chúa mà thôi' như các vị Tử Đạo ở Việt Nam đã làm trong những thế kỷ trước. Chúng ta được mời gọi rao giảng cho tất cả mọi người 'Tin Mừng Hy Vọng', và Đức Hồng y giải thích rằng: « Chúng ta chỉ có thể chu toàn Ôn Gọi ấy với sự hy sinh quyết liệt, dù phải chịu những thử thách cam go nhất. Hãy nêu cao giá trị của sự đau khổ như một trong muôn vàn khuôn mặt của Chúa Giêsu chịu đóng đinh và hiệp nhất đau khổ của mình với khổ đau của Chúa, có nghĩa là đi vào chính năng động khổ đau, yêu thương có nghĩa là tham dự vào ánh sáng, sức mạnh, an bình của Chúa; tức tìm lại được nơi chính mình một sự hiện diện mới mẻ, sung mãn, của Thiên Chúa.

Đây không phải là sự anh hùng, nhưng là sự trung thành chín chắn, hướng cái nhìn về Chúa Giêsu là mẫu gương của mọi chứng nhân và mọi vị Tử Đạo. Một gia sản cần được đón nhận mọi ngày trong một cuộc sống đầy yêu thương và dịu hiền.

Con người Ngài là một tấm gương sáng ngời về đời sống Kitô, phù hợp với Đức Tin, cho đến độ tử đạo. Đức Hồng y nói về mình với sự đơn sơ thật đặc biệt: "Trong vực thẳm những đau khổ của tôi,... tôi không bao giờ ngừng yêu mến tất cả mọi người, tôi không hề loại trừ một ai khỏi tâm hồn tôi". Bí quyết của Ngài là lòng tin thác kiên cường nơi Thiên Chúa, được nuôi dưỡng bằng kinh nghiệm và đau khổ được Ngài chấp nhận với lòng yêu mến. Trong tù, mỗi ngày Đức Hồng y đã cử hành Thánh Lễ với ba giọt rượu và một giọt nước trên lòng bàn tay. Đó là bàn thờ của Ngài, là Nhà thờ chính tòa của Ngài, Minh Thánh Chúa Kitô là 'thuốc' của Ngài, Đức Hồng y cảm động kể lại: 'Mỗi lần như thế tôi được dịp giang tay ra và chịu đóng đinh bản thân trên Thánh giá với Chúa Giêsu, được sống chén đắng với Chúa. Mỗi ngày khi đọc lời truyền phép, tôi hết lòng củng cố một giao ước mới, giao ước đời đời giữa tôi và Chúa Giêsu, nhờ máu của Chúa hòa lẫn với máu của tôi'.

Trung thành cho tới chết, Ngài giữ được sự bình thản và niềm vui cả trong lúc nằm lâu và phải đau đớn trong bệnh viện và, trong những ngày cuối, khi không còn nói được nữa, Ngài nhìn chăm chú vào ảnh Thánh giá, Ngài cầu nguyện trong thinh lặng, khi hy lễ tối cao của Ngài tới tuyệt đỉnh, hoàn thành cách vinh quang một cuộc đời đánh dấu bằng sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô trên Thánh giá.

Trong chúc thư tinh thần, sau khi xin lỗi, Đức Hồng y cam đoan tiếp tục yêu mến tất cả mọi người. Ngài quả quyết: 'Tôi thanh thản ra đi, và tôi không giữ lòng oán hận nào đối với ai. Tôi dâng tất cả những đau khổ tôi

đã trải qua cho Đức Mẹ Vô Nhiễm và Thánh Giuse'. Chúc thư tinh thần kết thúc với ba lời nhắn nhủ: 'Hãy yêu mến Đức Mẹ, hãy tín thác nơi Thánh Giuse, hãy trung thành với Giáo hội, hãy đoàn kết và yêu thương tất cả mọi người'. Đây chính là tổng hợp trọn cuộc sống của Đức Hồng y. » và Đức Thánh Cha đã kết luận:

« Giờ đây, ước gì cùng với Thánh Giuse và Mẹ Maria, Đức Hồng y được đón nhận vào trong niềm vui của Thiên Đàng, chiêm ngắm Tôn Nhan rạng ngời của Chúa Kitô, Đấng trên trần thế đã nhiệt thành tìm kiếm như niềm Hy vọng duy nhất của mình. Amen! »

Trong 174 phái đoàn của các quốc gia tới dự đám tang Cha, người ta thấy có hai đại diện của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam ngồi chung trong phái đoàn Thượng Viện Pháp vì giữa Vatican và Hà Nội chưa có bang giao.

XII. TIẾN TRÌNH PHONG HIỂN THÁNH.

Năm năm sau ngày Cha về Nhà Chúa, Hội đồng Tòa thánh Công lý và Hòa bình đã tổ chức Thánh Lễ đồng tế do Đức Hồng y Renato Raffael Martino, đương kim Chủ tịch và là người kế vị Cha, chủ sự lúc 11 giờ ngày Chúa nhật 16.09.2007 tại Nhà thờ Đức Mẹ Cầu Thang, để tưởng nhớ một chứng nhân Hòa bình và Hy vọng.

Tham gia sáng kiến mở án phong Hiển Thánh cho Cha, có Quỹ Thánh Matthêu tưởng niệm Cha, Hội Quan sát Quốc tế Văn Thuận về Đạo lý xã hội Công Giáo, thân nhân và bạn hữu của Cha, cũng như Cộng đoàn Công giáo Việt Nam ở Rôma.

Nhân dịp này, một buổi triều yết đã diễn ra ngày thứ hai 17.09.2007 tại Dinh thự Giáo Hoàng ở Castel Gandolfo. Trong diễn văn, Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã nói :

« Tôi vui mừng, nhân cơ hội này để, một lần nữa, nêu lên chứng tá Đức Tin sáng ngời mà vị Mục Tử anh dũng này đã để lại cho chúng ta. Đức Hồng y Phanxicô Xavie đã được vị tiền nhiệm Gioan Phaolô 2 đáng kính của tôi bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng Tòa thánh Công lý và Hòa bình. Người đã tiến hành 'Toát Yếu Giáo Huấn xã hội của Hội Thánh'. Làm sao quên được những nét nổi bật về sự đơn sơ và thân thiện của Người?

Chúng ta tưởng nhớ Ngài với sự thán phục lớn lao, trong khi chúng ta nghĩ lại trong tâm trí chúng ta những dự phóng lớn lao và tràn đầy Hy vọng, đã làm cho Ngài luôn sống động và Ngài tìm cách thế để dễ dàng loan truyền ra và thuyết phục nhiều người; sự dẫn thân đầy nhiệt huyết của Ngài để quảng bá Học thuyết xã hội của Hội Thánh giữa những người nghèo trên thế giới, và lòng hăng say truyền bá Phúc âm trong lục địa Á Châu của Ngài, khả năng Ngài điều hợp các hoạt động bác ái và thăng tiến con người mà Ngài làm tăng thêm và nâng đỡ tại những nơi nặng nề nhất trên thế giới.

Đức Hồng y Thuận là một con người của Hy Vọng, Ngài sống bằng Hy Vọng, Ngài phổ biến Hy Vọng cho tất cả những ai Ngài gặp. Chính nhờ năng lực thiêng liêng này mà Ngài đã chống lại được tất cả những khó khăn thể lý và luân lý. Hy Vọng đã nâng đỡ Ngài khi là Giám mục bị cô lập trong vòng 13 năm trời, xa cách khỏi cộng đoàn Giáo phận Ngài; Hy Vọng giúp Ngài biết nhìn ra qua cái vô lý của các biến cố xảy đến cho Ngài – không bao giờ được xét xử trong những năm tù ngục – một kế đồ sự quan phòng của Thiên Chúa.

Tin về bệnh ung thư, căn bệnh đưa Ngài tới cái chết, tin này đã đến với Ngài cùng lúc với việc Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đặt Ngài làm Hồng Y, vị Giáo Hoàng này bày tỏ với Đức Hồng y một sự trân trọng và tình cảm thật lớn lao.

Đức Hồng y Thuận thường nhắc lại rằng Kitô hữu là một con người của từng giờ, của lúc này, của giây phút hiện tại, cần được đón nhận và sống với tình yêu Chúa Kitô. Trong khả năng sống giây phút hiện tại này chiếu tỏa ra cái sâu thẳm của việc phó thác trong bàn tay Thiên Chúa và tính đơn sơ như trong Phúc âm dạy mà chúng ta tất cả đều kính phục Ngài. Và làm sao có thể xảy ra điều này – người ta tự hỏi – một người đặt tin tưởng vào Chúa Cha trên trời mà lại từ chối để mình được ôm ấp vào cánh tay của Chúa Cha

« Anh chị em thân mến, tôi vui mừng sâu xa đón nhận tin về việc khởi sự án phong chân phước cho vị Ngôn Sứ đặc biệt này của niềm hy vọng Kitô, và trong khi chúng ta phó thác cho Chúa linh hồn ưu tuyển của Người, chúng ta hãy cầu nguyện để tấm gương của Đức Cố HY là giáo huấn hữu hiệu cho chúng ta. Với lời cầu chúc đó, tôi thành tâm ban phép lành cho tất cả anh chị em. »

Tôi tớ Chúa.

Ngày 16.01.2009, Án Lệnh của Tòa Giám quản Rôma do Đức Hồng y Agostino Vallini, Giám Quản, ký về 'Vụ án Phong Chân phước và Phong Thánh cho Tôi Tớ Chúa Phanxicô Xavier Nguyễn Văn Thuận, Hồng y Giáo phận Rôma' vào ngày 22.10.2010, Tòa Thánh sẽ chính thức mở hồ sơ đợt hai xét phong Chân phước cho Người.

Nhân dịp này, Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình mời chúng ta hãy đọc KINH XIN ƠN như sau:

Lạy Thiên Chúa toàn năng và hằng có đời đời,
là Cha và Con và Thánh Thần,
con cảm tạ Chúa vì đã ban cho Hội Thánh
gương chứng tá anh dũng
của Đức Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận.
Kinh nghiệm khổ đau trong cảnh ngục tù,

được Ngài sống liên kết với Chúa Kitô chịu đóng đinh,
và dưới bóng che chở hiền mẫu của Mẹ Maria,
đã rèn luyện Ngài nên một chứng nhân sáng ngời
cho Hội Thánh và toàn thể giới,
về sự hiệp nhất và tha thứ,
cũng như về công lý và hòa bình.
Con người dễ thương mến
cùng với sứ vụ mục tử giám mục của Ngài
tỏa chiếu rạng ngời ánh sáng của đức tin,
nhiệt tâm của niềm hy vọng
và sức nồng ấm của đức ái.
Giờ đây, nhờ lời bầu cử của Ngài và theo thánh ý Chúa,
xin Chúa ban cho con được ơn đang khẩn cầu,
với niềm hy vọng thấy Ngài
sớm được vinh hiển trên bàn thờ. Amen.

Imprimatur : Vatican, 16.09.2007

+ Giampaolo Crepaldi,

Tổng Thư ký Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình.

Đức Hồng y Peter Turkson, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hòa bình, chủ sự Thánh Lễ cầu nguyện cho Cha tại Nhà thờ Santa Maria della Scala. Tham dự Thánh Lễ có các thành viên Hội đồng, các Hồng y, Giám mục, linh mục, thân nhân, bạn hữu của Cha. Sau đó, tại Dinh Laterano (Roma), phiên họp chính thức mở cuộc điều tra án Phong Thánh cho Cha, sau thời gian tìm các thông tin, tài liệu về Cha. Nghi thức bắt đầu bằng một bài Thánh ca, sau đó là việc đọc biên bản. Tiếp đến, Đức Hồng y Agostino Vallini, Giám quản Giáo phận Rôma, tuyên bố chính thức mở Án điều tra. Giáo phận Rôma, là nơi sinh sống cuối đời của Cha, là nơi điều hành vấn đề nghiên cứu tuyên thánh này.

Tháng 9/2011, Ủy ban Điều tra đã nhận lời khai của 120 người. Ủy ban Lịch sử tham gia vào quá trình nghiên cứu và soạn lại các tài liệu liên quan đến Cha. Tuy vậy, các dự án trên chưa được hoàn tất. Trong thời gian này, còn một dự án khác là di dời thi hài Cha từ nghĩa trang Verano vào thánh đường Santa Maria Della Scala.

Tháng 2/2012, báo 'Quan sát viên Rôma - L'Osservatore Romano' thông báo đề nghị những vị còn lưu giữ các chứng từ, các thông tin thuận lợi hoặc bất lợi về Cha liên lạc để thông báo với tờ báo trên. Phái đoàn Tòa án Giáo phận Rôma dành nhiều thời gian cử các phái đoàn tìm gặp các nhân chứng (có liên hệ) đến Cha tại các quốc gia như Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Úc. Phái đoàn dự định dành thời gian đến Việt Nam trong giai đoạn từ ngày 23/3 đến ngày 9/4.2012.

Tháng 3/2012, AsiaNews và Thông tấn xã Pháp loan tin chính quyền Việt Nam đã hủy bỏ visa phái đoàn điều tra án phong thánh.

Ngày 28.03.2012, người phát ngôn bộ Ngoại giao Việt Nam Lương Thanh Nghị cho biết chính quyền Việt Nam chưa nhận được đề nghị từ Tòa Thánh về công tác của phái đoàn trên và cho rằng chính quyền Việt Nam luôn sẵn sàng tạo điều kiện cho phái đoàn nếu phái đoàn được chỉ định cách chính thức, nằm trong thảo thuận giữa Vatican và Việt Nam. Tòa Thánh thông cáo xác nhận phái đoàn từ Giáo phận Rôma đã bị hủy visa. Trước đó, đoàn dự định nhập cảnh Việt Nam với visa du lịch. Phái đoàn đã không dùng các kênh liên lạc cấp cao giữa Tòa Thánh và Việt Nam. Tòa Thánh cũng bác bỏ tin tức Hồng y Peter Turkson là thành viên của đoàn.

Kết thúc giai đoạn tuyên chân phước tại Giáo phận

Ngày 05.07.2013, người Công giáo Việt Nam tổ chức lễ bế mạc của các giai đoạn Giáo phận của tiến trình tuyên Thánh cho Cha. Dù Cha chưa được tuyên Thánh, nhiều tín hữu Việt Nam đã coi Cha là một vị Thánh và xem Cha như một biểu tượng của Giáo hội Việt Nam. Trưa cùng ngày, Đức Hồng y Agostino Vallini, Giám quản Giáo phận Roma chủ sự Thánh Lễ bế mạc tiến trình điều tra cấp Giáo phận cho Cha. Ngoài Ngài, còn có 5 Hồng y, nhiều Đức cha gồm các Vị người Việt Nguyễn Như Thể và Võ Đức Minh.

Tuy nhiên, tiến trình tuyên chân phước cho Cha bị chính quyền Việt Nam phản đối và cản trở. Có ý kiến từ giới trí thức Công giáo người Việt ở nước ngoài cho rằng, chính những năm tù kéo dài mà Cha phải chịu sau năm 1975 ở Việt Nam là một vấn đề.

Ngày 02.07.2013 lúc 21 giờ, nhà phê bình văn học Nguyễn Hoàng Đức, một nhân chứng trong tiến trình Phong Thánh, đã bị công an sân bay Nội Bài (Hà Nội) chặn lại không cho xuất cảnh khi ông được thư mời của Hội đồng Công lý và Hòa bình tham dự lễ 'Bế mạc phần điều tra tại Giáo phận'. Ông Đức là cựu quan chức Việt Nam, từng gặp gỡ Cha. Theo ông, có ba sự lạ đã diễn ra cho ông khi tiếp xúc với Cha: giúp ông chuyển sang Công giáo, chữa lành bệnh cho ông và chia sẻ về một sự kiện tương lai.

Cấm xuất cảnh không lý do mà ông Đức đã kể cho ông Mặc Lâm, phóng viên Đài Á châu Tự do RFA : « Tôi đến quầy vé của hãng Hàng không Thái vì tôi được phép transit qua Thái đến Rome. Khi tôi vào quầy thì một cô nhân viên trẻ, ấp úng khi xem tên tôi, rồi một cô có vẻ đáng như là tổ trưởng đến cô ấy nói mời tôi sang gặp công an trước đã. Tôi vào phòng công an đợi mấy phút thì có một anh Thượng tá tên Phạm Tiến Dũng, anh thông báo với tôi là tôi không được phép xuất cảnh. Nếu tôi có kiến nghị hay khiếu nại gì thì về 44 và 46 Trần Phú Cục Quản lý xuất nhập cảnh để biết thêm. Tôi cũng chỉ biết như thế và cũng chỉ thi hành lệnh.

Sau đó tôi bảo vì là cơ quan nhà nước nên tôi đề nghị phải có văn bản để xác định việc này chứ không thể xác định bằng mồm. Anh ta nói là do anh ta muốn sự việc nhẹ nhàng thì như vậy là được rồi. Nhưng tôi dứt khoát phải đòi giấy tờ. Sau đó thì anh ta có mời một đại úy khác tới và anh đại úy kia là cũng người của Cục Xuất nhập cảnh luôn, anh ta tên là Hoàng

Dương. Anh kia viết biên bản và tôi có giữ một bản photo đây: biên bản về việc giữ tôi lại không cho xuất cảnh.

Tôi có hỏi họ lý do vì sao tôi bị cấm xuất cảnh và tôi muốn biết ngay tại đây. Anh ấy trả lời là Cục Xuất nhập cảnh cũng không cho các anh ấy biết lý do. Ông tự nhủ 'tôi buồn phải làm công dân Việt Nam, nơi bị chà đạp thô bạo về dân quyền. Chính quyền muốn làm gì thì làm, dù oan ức đến đâu người dân đều phải chấp nhận ».

Về nhân duyên giữa ông và vị Hồng y quá cố, ông Đức cho biết : Khi làm ở Phòng Tôn giáo của Bộ Công an, người ta có 'đối sách' về Cha vì một tội rất to là cháu của Ngô Đình Diệm và sự về Sài Gòn làm Phó Tổng Giám mục là để lót ổ lên Tổng Giám mục nên Cha bị chuyển ra Bắc. Do phải có một đội trông Cha và ông là một sĩ quan lâu năm nên được đề nghị để ra học tiếng Pháp với Cha, chứ không để trông Cha. Khi học tiếng Pháp, tôi cảm nhiễm tinh thần Cha. Sau sự kiện Thiên An môn, ông không còn muốn làm công an nữa vì, như thế, dễ phải đi đàn áp dân và tôi chuyển ngành nhưng không được, xin thôi việc cũng không cho nên phải bỏ việc. Khi được Rửa tội ở Nhà thờ lớn thì Cha Ngân, nay trở thành Giám mục, bảo Cha Hùng, mời anh viết diễn giải có đề 'Con Đường Đức Tin Qua Cây Cầu Francisco Savie Nguyễn Văn Thuận', rồi được gửi qua Tòa Thánh để bổ túc vào hồ sơ phong thánh, sau khi được Cha Sỹ yêu cầu ông ký vào những bản dịch khoảng 4,5 thứ tiếng. Hiện nay, thỉnh thoảng ông đi chia sẻ Đức tin và đặc biệt là ở nhà thờ Thái Hà. Đôi khi có Cha hỏi thăm và ông dẫn người đến nhà nơi giam Đức cha Thuận.

Đấng đáng kính

Ngày 02.05.2017, Thánh Bộ Tuyên Thánh tại Vatican đã biểu quyết chấp nhận Án tuyên thánh của Tôi tớ Chúa Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận. Ngày 04.05.2017, Đức Thánh Cha Phanxicô phê chuẩn sắc lệnh của Bộ này và tuyên cho Cha là Đấng đáng kính. Sau giai đoạn này, cần có phép lạ được cho rằng với sự chuyển cầu của Cha thì Cha có thể sẽ được phong Chân phước (hay Á Th ánh), và sau đó có thể được phong Thánh.

XIII. NHỮNG TÂM SỰ LỊCH SỬ CỦA CHA.

1. Ngày 02.11.1963, Cha không thể tin tưởng một người yêu nước như ông Diệm, cậu của Cha, đã phải chết như vậy và Cha chỉ đương đầu được với thử thách mới này nhờ Đức Tin và, nhất là, nhờ sự an ủi dịu hiền từ Mẹ của Cha. Bà lấy từ ngăn tủ bàn một văn kiện và dẫn Cha vào Nhà Nguyện và nói : « Đến lúc con nên đọc tài liệu này. Mẹ đã cất giấu đủ lâu ». Đó là văn kiện chứa những dòng chữ của cậu Diệm đã khấn dòng Biển Đức ngày 01.01.1954 tại Đan viện Saint-André de Bruges ở Bỉ, với tên Dòng Odilon. Bàn tay Cha run lên vì Thánh Odilon là Bồn mạng người tị nạn mà chính Tổng thống Diệm đã giúp gần một triệu đồng bào di cư từ Miền Bắc và an cư lạc nghiệp một cách mỹ mãn tại Miền Nam. Ngoài ra, Thánh Odilon là Linh mục đã bắt đầu cử hành Thánh Lễ Cầu cho các Linh hồn ngày 02.11

hàng năm, đúng ngày ông Diệm qua đời. Thấy thế, Bà khuyên lơn: « Cậu con đã cống hiến trọn cuộc đời cho quê hương và không lạ gì khi Cậu phải chết vì Tổ Quốc. Là một tu sĩ, Cậu đã dâng hiến cuộc sống cho Thiên Chúa, và không có gì lạ khi cậu phải chết lúc Chúa gọi Cậu ».

2. Tôi có cơ duyên làm quen với cố Hồng y Thuận năm 1967 khi Ngài là một vị Giám mục trẻ mới về Giáo phận Nha Trang. Hồi đó, tôi là Sĩ quan cao cấp Không quân và là Đại diện Binh sĩ Công giáo của Sư Đoàn II ở phi trường Nha Trang. Ngài rất trẻ rất đẹp trai, ăn nói dịu dàng, thái độ hiền hậu rất trí thức dễ thu hút người đối thoại.

Tôi thường lên xuống Tòa Giám mục gặp Ngài, không phải là để hỏi các vấn đề Giáo lý hay xưng tội mà để thăm viếng như người thân tình. Mỗi lần xuống là Ngài mời vào trong văn phòng Tòa Giám mục nói chuyện thân mật thoải mái. Tôi nhận xét Ngài thích bàn về chính trị và rất thông suốt các vấn đề Quốc tế. Cũng dễ hiểu thôi, vì Ngài hay đi Roma và Ngài cũng là Đại diện Caritas Quốc tế, một tổ chức Từ thiện của Giáo Hội Công Giáo Hoàn vũ ở Việt Nam. Ngài là cháu kêu Cố Tổng thống Ngô Đình Diệm bằng Cậu ruột. Biết Ngài ưu tư nhiều bí ẩn về cuộc đảo chánh 1963 nên có hôm tôi tò mò mạnh dạn hỏi Ngài về biến cố này.

Những bí ẩn lịch sử.

Đức cha Thuận kể: Với Mỹ thì cuộc đảo chánh không thể ngừng lại được. Lí do là những nhà tư bản Mỹ đã đầu tư cả hàng trăm tỉ Mỹ kim vào những Hãng chế tạo máy bay, Thiết giáp, tàu chiến, vũ khí đạn dược... Đối với họ thì không có gì đem lại lợi nhuận nhanh chóng bằng đầu tư vào chiến tranh. Bên cạnh đó, lại phải kể thêm thành phần các Tướng lãnh hiểu chiến trong Quân đội bên Ngũ Giác đài, những nhà Chính trị điều hâu trong Quốc Hội Mỹ và ở Tòa Bạch ốc, có người không đồng quan điểm với Tổng thống Diệm. Trong lúc đó, Ông Cự (Tổng thống Diệm) một mực từ chối không chịu cho quân đội Mỹ đổ vào Việt Nam.

Cái rủi cũng là một đại họa vì có một nhóm Tướng lãnh Việt Nam thời cơ... bị Mỹ mua chuộc

Trong ngày đảo chánh, có một gia đình người Mỹ thân với gia đình ông Nhu là ông bà Colby từng là Giám đốc CIA đã đến Nhà thờ cầu nguyện cho Tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu. Ông bà Colby đã nói với bạn bè là, hãy cầu nguyện cho hai người bạn Việt Nam. Ngài nói tiếp: Ông bà Colby là người Công giáo và có người con trai làm Linh mục. Cuộc đảo chánh đã xảy ra như thế nào, phần lớn chúng ta đều đã biết. Tổng thống Diệm và ông Cố vấn Ngô Đình Nhu đã bị giết...

Ngài kể tiếp với một giọng bình dị: Hai tuần sau đó, nhân dịp Tướng Dương văn Minh ra Huế, đem theo đứa con trai độ 10 tuổi và có ghé lại thăm. Ngài kể: Dương văn Minh vừa nói vừa đặt tay lên đầu đứa con:

Thưa Cha, con thề trên đầu con của con là con không giết Tổng thống.

Ngài trả lời: Chuyện đáng tiếc đó đã xảy ra rồi, bây giờ làm sao đừng để cho quân Mỹ vào...

Nói đến đây, Ngài ngưng một vài phút và kể tiếp: Tướng Trần văn Đôn có đến gặp Ngài. Trong câu chuyện, Tướng Đôn đã nói: Các Tướng lãnh Việt Nam thật nhục nhã xấu hổ... Chắc Ông Đôn muốn ám chỉ đến các Tướng đảo chánh, trong đó có ông...

Thời gian sau, Tướng Tôn Thất Đính ra Huế làm Tư lệnh Quân đoàn I có ghé lại thăm Ngài. Ngài mời Tướng Đính uống rượu Lễ... Tướng Đính vừa uống vừa khóc và nói: Thưa Cha, con mà giết Tổng thống thì cũng như con giết cha con. Cho con một Sư Đoàn là con dẹp sạch bọn đó...

Sau đó, Quân Mỹ ồ ạt vào Việt Nam và chiến tranh leo thang khủng khiếp, gây đau thương tang tóc cho khắp 3 Miền Đất nước. Thời điểm này, Thầy Trí Quang có gọi điện thoại đề nghị với Ngài là Công giáo và Phật giáo cùng họp nhau xuống đường biểu tình chống Mỹ.

Ngài trả lời với Thầy Trí Quang: **Tôi với Thầy là những người tu trì... đừng làm chính trị...**

Một sự việc đặc biệt đã xảy ra trong đêm Tết Mậu Thân 1968. Theo lời Ngài kể: Một chiếc xe lạ dừng lại ngoài đường lộ, đối diện với Tòa Giám mục trên bãi biển Nha Trang và một chiếc khác đậu bên hông trái Tòa Giám mục... đã xối xả bắn vào phòng ngủ của Ngài. Cả phòng ngủ đầy lỗ đạn; áo quần và đồ dùng của Ngài bị rách nát chỉ chít những lỗ đạn. May là Ngài không ở nhà...

Tôi hỏi: Thưa Đức cha... ai là thủ phạm việc này..? Ngài giữ im lặng không trả lời...

(* Xin bổ túc chi tiết này: Giáo sư Trần Xuân Nguyên (dạy tại trường La San Bá Ninh, Nha Trang) là Thư kí riêng của Đức cha Thuận, kể chi tiết: Ngay sau đêm Tết Mậu Thân, xe lạ bắn vô phòng ngủ của Đức cha Thuận thì sáng hôm sau, mấy giới chức Mỹ đến Tòa Giám mục... ngỏ lời phân ưu vì Giám mục Thuận đã chết đêm Tết Mậu Thân... nhưng họ sững sốt vì thấy Đức Cha không hề hấn gì... Các Giới chức Giáo phận Nha Trang lúc đó, đều quả quyết có bàn tay lông lá của ông bạn Đồng minh..!

* Chính Frère Irénée Trần Xuân Nhật (vừa là người nhà, vừa là bạn đồng môn của Nhị Long), con của Gs Trần Xuân Nguyên kể chi tiết cho Nhị Long tại La San Taberd Sài Gòn 1969 – Nhịlang sơn bổ túc).

Nay đã trên 40 năm trôi qua. Buổi nói chuyện với Ngài cứ ám ảnh, làm tôi bận tâm suy nghĩ. Tại sao Ngài đã đem câu chuyện bí hiểm Lịch sử này mà kể cho tôi nghe. Ngoài tôi ra, không biết Ngài có kể thêm cho những

người khác nghe không?

Bây giờ Ngài đã qua đời, câu chuyện lịch sử này sẽ là một bí ẩn không ai biết, nếu tôi không kể ra. Cho nên vì bốn phận thiêng liêng, tôi muốn phổ biến nó cho những nhà viết Sử sau này có một vài ánh sáng mới trong vụ đảo chánh 1963.

Tôi cảm thấy mình phải viết ra cho công luận đối với một biến cố lịch sử đã làm cán cân chiến tranh nghiêng về phe Cộng sản. Tôi không viết để chỉ trích hay bênh vực một ai.

Theo tôi được biết thì hồi đó, phe Việt Cộng đã ăn mừng và ông Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt trận Giải phóng miền Nam đã vui mừng: Đảo chánh ông Diệm là một món quà Trời cho. Bắc Việt cũng không ngần ngại tuyên bố là Mỹ đã dọn cỗ cho ta ăn...

Một nhà báo Pháp hỏi ông Hồ Chí Minh: Ông Diệm là người thế nào..? Ông Hồ đã trả lời: Ông Diệm là một người yêu nước theo đường lối của ông ta. Cuộc đảo chánh 1963 vẫn còn nhiều bí ẩn.

Ai giết Tổng thống Diệm và ông Cố vấn Nhu. Nếu thật sự không phải ông Minh thì là ai? Có lí do nào ông Minh dám nói láo khi thề trên đầu con ông? Về cuộc chính biến 1963 đã có quá nhiều báo chí sách vở nói đến. Nhưng tôi cũng có một vài thắc mắc và nhận xét cá nhân.

{Góp ý của người viết: Tuy ông Minh rất ghét ông Diệm vì ông đã lấy tiền và vàng thu được của Bảy Viễn thay vì phải nộp vào Ngân khố và chứa anh là việt cộng. Ông Diệm đã tha cả hai tội. Một phản tướng chịu ơn ông Diệm thì hành lệnh Mỹ.}

Cũng thêm một sự tình cờ, sáng hôm đó, tôi chứng kiến đoàn xe đi vào Nhà thờ Cha Tam đón hai Ông trở ra. Trước đó, tôi ở Đà Nẵng vào họp hành quân ở Bộ Tư lệnh Không quân và tạm trú tại câu lạc bộ An Đồng ở trong Chợ lớn. Đoàn xe nhà binh hùng hậu trên mười chiếc có cả xe bọc thép M113 và xe GMC gắn bốn khẩu đại liên 50 phòng không, dẫn đầu là chiếc xe jeep của Đại Tá Dương Ngọc Lắm, tôi nhận ra ông Lắm; vì ông có bộ râu dê và anh Đỗ Thọ mặc chiếc áo T Shirt. Anh Thọ là dân Không quân quen thuộc.

Theo nhận xét của tôi thì cuộc chính biến 1963 không phải là một cuộc Cách mạng như ông Đôn viết trong hồi kí của ông, mà là một cuộc đảo chánh do Mỹ giàn dựng và các Tướng lãnh Việt Nam chỉ là kẻ thừa hành. Họ được trả một giá rẻ mạt là 3 triệu đồng bạc VN, tương đương với 42 ngàn dollars theo thời giá hồi đó, do tên Lou Connein, một Sĩ quan Tình báo Mỹ đưa đến, để các Tướng Tá đảo chánh chia chác với nhau.

Theo nhận xét của tôi thì Tổng thống Diệm là một Chí sĩ hết lòng vì Nước vì dân. Dù sao thì Cụ là một người có uy tín rất lớn đối với dân Việt Nam. Cái sai lầm lớn nhất của Cụ là một nhà Nho áp dụng chữ TÍN vào chính trị không đúng chỗ, đúng lúc và đúng người.

Vào những ngày cuối tháng 3.1975, tôi có đến Tòa Giám mục lần chót gặp Đức Cha: Lần này, Ngài tỏ ra rất lo âu và nói với một giọng buồn bã. Số phận miền Nam còn bi đát hơn cả Trung hoa Quốc gia năm 1949, khi Tổng thống Giới Thạch tháo chạy ra Đài Loan...

Tôi nói: Dù sao đi nữa xin Đức Cha đừng đi...

Ngài trả lời: Cha là người tu trì thì đi đâu.

Mạc Vân 21/05/2014

XIV. KHEN THƯỞNG VÀ VINH DANH

A.- Lúc 18 giờ ngày 09.06.1999 tại Tòa Đại sứ Pháp cạnh Tòa Thánh, ở Roma, ông Đại sứ Pháp, đã nhân danh Tổng thống Cộng hòa Pháp, trao tặng Huy Chương 'Commandeur de l'Ordre National du Mérite' (Huân chương Quốc gia cho Người có Công Trạng, Đệ Tam Đẳng) cho Cha.

Trước khi trao tặng Huy chương, Ông Đại sứ nói đến công trạng của Cha đối với Nước Pháp và cách riêng với Giáo hội Pháp. Ông cũng nhắc đến những năm Cha bị giam tù và những tác phẩm rất hấp dẫn và bổ ích, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, do Cha viết trong những năm dài của cuộc thử thách. Trong đáp từ, Cha cảm ơn Tổng thống, Dân tộc và Giáo hội Pháp về cử chỉ tốt đẹp này. Rồi Cha nhắc lại những mối giây liên kết từ lâu đời của gia đình mình và của chính Cha với nền văn hóa Pháp, với các nhà truyền giáo Pháp và với Giáo hội Pháp, nhất là trong những năm vừa qua, nhờ vào những hoạt động tại nhiều nơi, tại nhiều đoàn thể và nhờ vào tình nghĩa thiết với nhiều vị Linh mục và Giám mục tại Pháp và tại Rôma.

B.- Năm 2000, Cha được trao tặng hai giải thưởng Hòa bình: Giải Man For Peace (Người Vì Hòa Bình) và giải thứ hai là Artefice della Pace (Người Kiến Tạo Hòa Bình) .

C.- Sáng ngày 15.09.2009, tổ chức 'San Matteo' mở cuộc họp báo tại Văn phòng Báo chí Tòa thánh để tuyên bố kết quả giải thưởng Nguyễn Văn Thuận lần thứ hai và các giải thưởng Đoàn kết và Phát triển Nguyễn Văn Thuận. Giải này được tưởng thưởng cho những người xuất chúng trong sự nghiệp đề cao và bảo vệ nhân quyền.

Tham dự cuộc họp báo có Đức Hồng y Renato Martino, Chủ tịch Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình, và Đức ông Marco Frisina, Giám đốc ca đoàn Tổng Giáo phận Rôma đồng thời là tác giả ca khúc vinh danh cổ Hồng y Thuận nhan đề 'Sentieri della speranza' (những nẻo Đường Hy vọng), trích từ các kinh Cha đã biên soạn.

Trong buổi lễ trao giải vào ngày 16.09.2009 tại Palazzo Colonna ở Roma, Giải Nguyễn Văn Thuận năm 2009 được trao cho Đại Công tước (Grand Duke, tương đương Quốc trưởng) Henri de Nassau của Luxembourg vì những nỗ lực của ông trong việc bảo vệ quyền sống và quyền tự do tôn

giáo. Mùa thu 2008, ông lên tiếng cho biết ông sẽ từ chối ký ban hành Dự luật Trợ Tử, khiến Quốc hội Luxembourg phải tu chính Hiến pháp để Dự luật trở thành Luật được áp dụng hợp hiến.

XV. CHA VỚI TỔ QUỐC.

Cha đã viết 'Con Có Một Tổ Quốc Việt Nam'
Tiếng chuông ngân trầm, Việt Nam nguyện cầu
Tiếng chuông náo nùng, Việt Nam buồn thảm
Tiếng chuông vang lừng, Việt Nam khái hoàn
Tiếng chuông thanh thoát, Việt Nam hy vọng
Con có một Tổ Quốc, Nước Việt Nam

Quê hương yêu quý ngàn đời
Con hãnh diện con vui sướng
Con yêu non sông gấm vóc
Con yêu lịch sử vẻ vang
Con yêu đồng bào cần mẫn
Con yêu chiến sĩ hào hùng
Con có một Tổ Quốc, Nước Việt Nam

Sông cuộn cuộn máu chảy cuộn hơn
Núi cao cao xương chất cao hơn
Đất tuy hẹp nhưng chí lớn
Nước tuy nhỏ nhưng danh vang
Con có một Tổ Quốc, Nước Việt Nam

Con phục vụ hết tâm hồn
Con trung thành hết nhiệt huyết
Con bảo vệ bằng xương máu
Con xây dựng bằng tim óc
Vui niềm vui của đồng bào
Buồn nỗi buồn của dân tộc
Con có một Tổ Quốc, Nước Việt Nam

Một nước Việt Nam,
Một dân tộc Việt Nam
Một tâm hồn Việt Nam,
Một văn hóa Việt Nam
Một truyền thống Việt Nam
Con có một Tổ Quốc, Nước Việt Nam
Nước Việt Nam

Thơ được phổ nhạc bởi Linh mục Đỗ Bá Công và được hát bởi nhiều ca sĩ như Khánh Ly tại: www.youtube.com/watch?v=b3Knadrvklc

XVI. TƯỢNG NHỚ CHA NĂM 2022.

Để tưởng nhớ 20 năm ngày Cha được gọi về Nhà Cha, Thánh Bộ Phát triển Nhân bản toàn diện tổ chức các sự kiện :

Ngày 15.09.2022, Đại hội thảo luận với chủ đề 'Đức Hồng y Nguyễn Văn Thuận, đời sống, sự thánh thiện và sứ mạng', điều hợp bởi Cha Tôma Nguyễn Đình Anh Nhuệ, dòng Phanxicô, Tổng thư ký Hội Giáo hoàng Liên hiệp Truyền giáo.

Sau lời nguyện mở đầu, Đức Hồng y Michael Czerny, dòng Tên, Bộ trưởng Bộ Phát triển Nhân bản toàn diện giới thiệu Tiến sĩ Waldery Hilgeman, người Hòa Lan, thỉnh nguyện viên án Phong Thánh cho Cha.

Các bài thuyết trình do Cha Ambrosio Nguyễn Văn Sỹ, dòng Phanxicô, thành viên sử học của án Phong Thánh cho Cha. Ti ếp đ ến, Cha Marco Luis Da Silva, người Bồ Đào Nha, Phó thỉnh nguyện viên án phong, trình bày về đề tài 'Sự thánh thiện của Đấng Đáng kính Nguyễn Văn Thuận' Cuối cùng, Đức ông Bernard Munono, viên chức Bộ Phát triển Nhân bản toàn diện, nói về 'Sứ mạng của Đức Cố Hồng y'.

<https://www.youtube.com/watch?v=HSgHAZSSAOU>

Chiều cùng ngày, có buổi cầu Minh Thánh Chúa tại Nhà thờ Đức Mẹ Scala, nơi có mộ của Cha, do Cha Marco Luis Da Silva, Giám đốc đài Phát thanh Radio Maria, hướng dẫn, cùng với các nữ tu dòng Ngôi Lời Nhập Thể.

Ngày 16.09.2022, lúc 9 giờ 30, Đức Hồng y Michael Czerny chủ sự Thánh lễ đồng tế kính trọng thể Cha tại Vương cung thánh đường Đức Mẹ Maria ở Trastevere. Phẩm phục : Trắng.

<https://www.youtube.com/watch?v=cQmEW5Ows3M>

Khi giảng, Đức Hồng y chủ tế nhắc đến Cha :

- một chứng nhân lớn cho Đời sống Đức Tin. Cha chịu nhiều đau khổ vì Đức Tin,
- Cha là người hiền lành, tử tế, luôn sống đầy Bình an,
- lúc nhận mũ Hồng y, Cha đã hứa sự trung thành đối với Giáo hội và Đức Thánh Cha, cho đến đổ máu. Ngài nói Cha đã có kinh nghiệm đó. Cha đáp 'Việc Chúa làm thật mau nhiệm, chúng ta cứ thế mà làm',
- Nhớ lại lời Cha giảng tĩnh tâm Mùa Chay năm 2000 tại Giáo triều về:
 - i. Chọn Chúa, vấn đề căn bản, hơn Việc của Chúa,
 - ii. Khi đi dâng Thánh Lễ, nếu nhớ có bất hòa, nên đi hòa giải trước. Khi cầu nguyện, chúng ta cần có trái tim hòa bình,
 - iii. Đời Cha dính liền với Mẹ Maria : bị bắt ngày 15.08.1975 (Mẹ Lên Trời) và được trả tự do ngày 21.11.1988 (Mẹ Dâng Mình). Khi hành hương Lộ Đức, năm 1957, Cha đã cảm nhận Mẹ không hứa cho Cha một đời sống dễ dãi.

Ngài kết luận 'Chúng ta có một chứng nhân lớn. Ước gì Cha đồng hành với chúng ta trong việc Sống Đạo.

XV. LỜI HỒNG Y NGƯỜI VIỆT TẠI GIÁO TRIỀU.

1. Gặp Tỉ phú Bill Gates.

Ngày 31.01.2001, trong một hội nghị tại Tòa Nhà Quốc Hội Ý, Bill Gates và Cha đồng ý với nhau là điều kiện sống của nhân loại có thể được cải thiện, nhưng không đồng ý với nhau 'cải thiện' nghĩa là gì.

Đây là Hội nghị về toàn cầu hóa 'Hệ quả của nền kinh tế Internet là gì?', được nhóm Confindustria Ý bảo trợ, cùng với rất đông chính khách Ý.

Hai diễn giả là Tỉ phú Bill Gates, vị sáng lập công ty điện toán lớn nhất hoàn cầu Microsoft, 45 tuổi, và Cha, Hồng y, 72 tuổi với 13 năm trong lao tù cộng sản, ngồi đối diện nhau. Thoạt đầu, đa số 2.000 tham dự viên đã chú tâm đến sự khác biệt giữa nhị vị.

Theo ông Gates, chìa khóa của tương lai là khoa học điện toán, một kiểu mẫu có khả năng hoán chuyển giữa việc làm, giải trí và toàn bộ đời sống các công dân. Đó là khí cụ tốt nhất trong lịch sử giúp khai phóng khả năng sáng tạo của con người. Càng có nhiều computer mạnh với giá thấp, càng mang các nước và các cá nhân gần nhau hơn. Điện toán và kỹ thuật sẽ giúp vượt qua những rào cản của bất công xã hội. Một mô hình khác cho sự thành công trong tương lai theo Gates là 'tài năng'. Ưu tiên cho mọi quốc gia là phải đầu tư vào các trường đại học và các trường học nói chung.

Khi phát biểu, Cha cho rằng kiểu mẫu của con người là chính con người, bản thân và phẩm giá của họ. Cha nêu kinh nghiệm sống với cộng sản trong thời kỳ mà Cha không có đồng lương nào. Cha đã là một thợ mộc để làm ra Thánh giá mà Cha giấu trong cục xà bông, sau đó là một người lao động nơi rừng sâu nước độc, là một người thợ thủ công và là một thầy giáo dạy ngoại ngữ cho các cai tù. Vấn đề không phải là bản khoản về việc làm trong tương lai sẽ như thế nào, nhưng là 'Những người nam và những người nữ mà việc thiết kế công việc trong tương lai của chúng ta phải phụ thuộc vào sẽ như thế nào?' Con người không phải là một 'homo faber' (con người chế tạo viên), sản xuất càng ngày càng nhiều và tiêu thụ càng ngày càng nhiều, công ăn việc làm và nguyên liệu sản xuất không phải là vô tận và chúng ta không thể cứ tiếp tục như thế này mà không quan tâm đến những người đã tạo ra những sản phẩm mà chúng ta mua với giá rẻ mạt. Cha kết luận, cần thiết phải thay đổi nền văn hóa này hoàn toàn để một lần nữa đưa con người lên địa vị chủ thể của nền kinh tế và công việc.

Một tranh hí họa của báo Record cho thấy theo cách nói của ông Gates thì rồi ra con người sẽ ngồi nhà và đi nhà thờ qua Internet. Trong khi theo cách nói của Cha thì người ta phải đi nhà thờ ngày càng đông vì Internet được Giáo hội dùng để truyền giảng Tin Mừng 'từ trên mái nhà'. Tờ báo kết luận rằng cuộc tranh luận thú vị giữa Cha và Bill Gates là một tấm gương cho chúng ta. Thế giới càng ngày càng xa dần Thiên Chúa trong xu hướng

tục hóa vì sự im lặng của chúng ta. Thực ra, nhiều người vẫn lắng nghe chúng ta khi chúng ta nói rõ ràng, thẳng thắn và mạch lạc niềm tin của mình. Vấn đề là chúng ta không dám nói, không nghĩ đến chuyện nói và chưa bao giờ chuẩn bị cho việc nói công khai niềm tin của mình nơi công cộng.

2. MƯỜI ĐIỀU RĂN CỦA LINH MỤC

1. Những gì tôi sống trong tư cách là một Linh Mục, thì quan trọng hơn những gì tôi làm.
2. Những gì Chúa Kitô làm qua trung gian của tôi, thì quan trọng hơn những gì do chính tôi làm.
3. Những gì tôi với anh em Linh Mục cùng sống, thì quan trọng hơn những gì tôi làm một mình, dù hăng say tới mức suýt bị mất mạng.
4. Những gì tôi sống cho Kinh nguyện và Lời Chúa, thì quan trọng hơn những tổ chức sinh hoạt bên ngoài.
5. Những gì tôi sống vì lợi ích thiêng liêng của người cộng tác, thì quan trọng hơn những công việc tôi làm cho lợi ích của mình.
6. Hiện diện ít nơi nhưng thiết yếu để đem lại sức sống, thì quan trọng hơn có mặt khắp nơi nhưng vội vàng và nửa vời.
7. Hoạt động cùng với người cộng tác, thì quan trọng hơn là làm một mình, cho dù mình có nhiều khả năng hơn họ. Nói cách khác, hợp tác thì quan trọng hơn hành động riêng rẽ.
8. Hy sinh thập giá âm thầm bên trong, thì quan trọng hơn những thành quả đạt được bên ngoài.
9. Mở rộng tâm hồn đến những thao thức của cộng đoàn, Giáo phận và Giáo hội toàn cầu, thì quan trọng hơn chăm chú vào những bận tâm riêng, cho dù thiết yếu đến đâu đi nữa.
10. Làm chứng về Đức Tin trước mặt mọi người, thì quan trọng hơn tìm cách thoả mãn thị hiếu của họ.

3. TÁM MỐI PHÚC THẬT CHO CÁC CHÁNH TRỊ GIA

1. Phúc cho những Chánh trị gia nào ý thức cao độ và hiểu biết sâu rộng về vai trò của mình. Công đồng chung Vatican II đã định nghĩa Chánh trị là một Nghệ thuật cao quý và khó khăn. Ngày nay, gần 40 năm sau, và giữa thời đại hoàn vũ hóa, định nghĩa này lại càng được củng cố hơn khi chúng ta nhận thấy rằng người ta chỉ có thể đáp ứng sự yếu đuối và mong manh của hệ thống kinh tế với chịu kích toàn cầu bằng sức mạnh của Chánh trị hoàn vũ kiên cố và đặt nền tảng trên những giá trị được mọi người nhìn nhận.
2. Phúc cho Chánh trị gia nào biết phản ánh uy tín qua nhân vị của mình. Trong thời đại chúng ta, Chánh trị thế giới có biết bao tham nhũng, lạm quyền dính liền với phí tổn quá cao của các chiến dịch tranh cử. Các tiêu cực này ngày càng gia tăng khiến cho các nhà chánh trị ngày càng mất uy tín. Để lật ngược tình thế, cần phải đưa ra một trăn trở vững chắc.

Một lời bao gồm cả nỗ lực cạnh tranh và thanh tẩy để phục hồi hình ảnh của nhà Chánh trị.

3. Phúc cho Chánh trị gia nào biết hoạt động cho Công ích chứ không chỉ lo cho tư lợi. Để sống phúc thật này, Chánh trị gia phải tự vấn lương tâm, tự hỏi tôi đang lo việc cho dân tộc hay cho riêng tôi. Tôi có đang làm việc cho Tổ quốc, cho nền văn hóa hay không ? Tôi có đang làm việc để đề cao Luân lý, Đạo đức hay không ? Tôi có phục vụ tốt cho nhân loại hay không ?

4. Phúc cho Chánh trị gia nào biết trung thành sống phù hợp với Niềm Tin của mình cần phải có Một sự luôn luôn phù hợp với Niềm Tin và đời sống dân thân hoạt động chính trị. Một sự đồng nhất giữa lời nói với hành động của người ấy, vì sự tôn trọng những điều đã hứa.

5. Phúc cho Chánh trị gia nào thực hiện và bảo vệ sự Hiệp nhất bằng cách đặt Chúa Giêsu là trọng tâm Hiệp nhất bằng cách đặt Chúa Giêsu là trọng tâm Hiệp nhất. Sở dĩ như thế vì chia rẽ là tự hủy. Ở Pháp, người ta nói các tín hữu Công Giáo Pháp không bao giờ cùng đứng chung với nhau trừ lúc nghe đọc Phúc Âm. Theo tôi, câu nói bình dân này cũng có thể áp dụng cho nhiều dân tộc các nước khác được.

6. Phúc cho Chánh trị gia nào dẫn thân thực hiện một cuộc thay đổi tận gốc rễ. Sự thay đổi như thế xảy ra khi người ta cố gắng tranh đấu chống lại sự sa đọa trí thức như nhất quyết không gọi là Thiện những gì là Ác. Khi không đóng khung Tôn giáo vào công cuộc sống tư riêng nhưng biết thiết lập những ưu tiên cho việc chọn lựa trên Đức Tin có một Đại Hiến chương là Phúc Âm.

7. Phúc cho Chánh trị gia nào biết lắng nghe. Biết lắng nghe tiếng dân trước, trong và sau cuộc bầu cử. Biết lắng nghe Lời Chúa qua kinh nguyện. Hoạt động của Chánh trị gia ấy sẽ đạt được nhiều chắc chắn, an ninh và hữu hiệu.

8. Phúc cho Chánh trị gia nào không sợ hãi. Trước hết, không hãi sợ Chân lý. Đức Gioan Phaolô II đã nói : Chân lý không cần lá phiếu. Một Chánh trị gia chỉ nên sợ chính mình mà thôi, vì chỉ rự mình biết mình. Chánh trị gia không nên sợ các phương tiện truyền thông đại chúng. Trong cuộc phán quyết sau hết, Chánh trị gia sẽ phải trả lẽ hành động của mình trước Thiên Chúa, chứ không phải các phương tiện truyền thông đại chúng.

(Đức Hồng y P.X. Nguyễn văn Thuận nhấn mạnh: *tôi chỉ phát biểu như một Mục tử*)

Trích Diễn từ cuối cùng của Cha ở Padova, Ý-đại-lợi, tháng 05/2002 đăng trong 'In Tempo' ngày 20.09.2002

Hà-Minh Thảo (16.09.2022)